

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak

-Điện thoại: (84-262) 3877519 ; -Fax: (84-262) 3877455

-Website: www.biasaigonmt.com.vn ; -Email: huuphusmb@gmail.com



DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG (Ngày 23 tháng 6 năm 2018)

1. Danh mục tài liệu.
2. Thông báo tổ chức Đại hội.
3. Giấy xác nhận dự họp hoặc ủy quyền.
4. Giấy ủy quyền tập thể.
5. Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
6. Giấy xác nhận sở hữu cổ phần.
7. Phiếu ứng cử/đề cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
8. Biên bản nhóm cổ đông đề cử Ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
9. Mẫu Sơ yếu lý lịch Ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
10. Chương trình Đại hội.
11. Quy chế tổ chức Đại hội.
12. Danh sách các vấn đề thảo luận và biểu quyết thông qua tại Đại hội.
13. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2017, Kế hoạch SXKD năm 2018.
14. Báo cáo tài chính Công ty năm 2017 đã được kiểm toán và xác nhận thông tin trong Báo cáo tài chính các năm trước.
15. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và NK 2013-2018.
16. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và NK 2013-2018.
17. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
18. Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017, kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018.
19. Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018.
20. Tờ trình thông qua Quy chế quản trị Công ty (kèm theo dự thảo Quy chế).
21. Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty (kèm theo dự thảo Điều lệ).
22. Dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội.

THÔNG BÁO

Về việc: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

***Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG**

Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung trân trọng thông báo đến toàn thể Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

- 1. Thời gian tổ chức Đại hội:** Từ 8 giờ 00, Thứ Bảy, ngày 23 tháng 6 năm 2018.
- 2. Địa điểm:** Victory Hotel, 14 Võ Văn Tần, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- 3. Nội dung Đại hội:**
 - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
 - Báo cáo tài chính Công ty năm 2017 đã được kiểm toán và xác nhận thông tin trong Báo cáo tài chính các năm trước.
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018
 - Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
 - Báo cáo trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
 - Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018.
 - Thông qua dự thảo Quy chế quản trị Công ty.
 - Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty.
 - Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.
- 4. Về việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty:**
 - Đề nghị Quý cổ đông xem Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, thực hiện ứng cử, đề cử qua các biểu mẫu kèm theo và hoàn tất các hồ sơ liên quan gửi về Ban tổ chức Đại hội theo địa chỉ Công ty và thời gian quy định tại Mục 6 dưới đây.
- 5. Thành phần tham dự Đại hội:**
 - Tất cả cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung theo danh sách chốt ngày **10/5/2018**.
 - Trường hợp Quý cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền người khác tham dự (Theo mẫu Giấy ủy quyền). Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại người thứ 3.
 - Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông mang theo Thư mời, CMND hoặc Hộ chiếu (Bản chính), Giấy ủy quyền bản chính (nếu được ủy quyền) để xác nhận danh sách dự Đại hội.
- 6. Các vấn đề khác:**
 - Tài liệu Đại hội được đăng tải tại Website: www.biasaigonmt.com.vn/quan-he-co-dong
 - Đề công tác tổ chức được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền dự Đại hội, cùng với hồ sơ ứng cử, đề cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gửi lại Công ty trước **16g00, thứ Hai, ngày 18/6/2018** qua đường bưu điện, hoặc fax về số: **0262-3877455**.
 - Thông báo này thay Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận Thư mời.
 - Mọi chi tiết vui lòng liên hệ **A. Trần Hữu Phú (ĐT: 0262-3877519/DD: 0913449007)**.
Trân trọng thông báo.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



***Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- VP Công ty, Chi nhánh, Cty TM;
- Website Cty CP Bia SG-MT;
- Lưu VP HĐQT.

Bùi Ngọc Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG
01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak
-Điện thoại: (84-0262) 3877519 ; -Fax: (84-0262) 3877455
-Website: www.biasaigonmt.com.vn ; -Email: huuphusmb@gmail.com



GIẤY XÁC NHẬN DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI*

Tên cá nhân/Tổ chức:

- Mã số (theo thư mời):

Hiện đang sở hữucổ phần của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung, nay tôi/Công ty chúng tôi:

- Xác nhận dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
 Ủy quyền cho Ông (Bà)....., CMND số:.....
 Ủy quyền cho Ông Bùi Ngọc Hạnh, Chủ tịch HĐQT
 Ủy quyền cho Ông Huỳnh Văn Dũng, Tổng Giám đốc
 Ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Dũng, Trưởng Ban kiểm soát

Thay mặt tôi/Công ty chúng tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung. Người đại diện này có đủ thẩm quyền và trách nhiệm tham gia thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú: Quý Cổ đông có thể ghi mới hoặc điền các thông tin tương ứng vào mẫu này và gửi bằng đường bưu điện hoặc Fax đến Công ty theo địa chỉ:*

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

- 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak
- Điện thoại: 0262-3877519.
- Fax: 0262-3877455.



GIẤY ỦY QUYỀN TẬP THỂ

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Chúng tôi là những người có tên dưới đây hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung, chúng tôi ủy quyền cho Ông (Bà):

....., Mã số (theo thư mời):.....;

CMND số....., thay mặt chúng tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung. Người đại diện này có đủ thẩm quyền và trách nhiệm tham gia thảo luận và biểu quyết tại Đại hội:

STT	Họ và tên người ủy quyền	Mã số (Theo Thư mời và Giấy xác nhận dự họp hoặc ủy quyền)	Số cổ phần đang sở hữu	Chữ ký của người ủy quyền
Cộng				

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:** Quý Cổ đông có thể ghi mới hoặc điền các thông tin tương ứng vào mẫu này và gửi bằng đường bưu điện hoặc Fax đến Công ty theo địa chỉ:



QUY CHẾ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ III (2018-2023) TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung (Điều lệ).

Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2018-2023 (Quy chế) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung như sau:

Điều 1. Nguyên tắc bầu cử.

1. Bầu cử đúng Luật, đúng Điều lệ, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.
2. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.
3. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử, biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

Điều 2. Đối tượng thực hiện Bầu cử.

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội. *(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/5/2018 trong Danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 682/2018-SMB/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 14/5/2018).*

Điều 3. Điều kiện đề cử và ứng cử thành viên HĐQT và thành viên BKS.

1. Điều kiện đề cử và ứng cử thành viên HĐQT:

Theo quy định tại Điều 27. Điều lệ Công ty.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2. Điều kiện đề cử và ứng cử thành viên BKS:

Theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10%

sẽ là người trúng cử; trong trường hợp cả hai ứng cử viên đều không có số cổ phần biểu quyết tại đại hội thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và bầu theo hình thức bầu dồn phiếu.

Điều 11. Ban kiểm phiếu và trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua.
2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông qua quy chế bầu cử; Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu; Kiểm tra kết quả bầu cử một cách khách quan, chính xác và lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử trước Đại hội.

Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS.

3. Ban kiểm phiếu phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả bầu cử.

Điều 12. Giải quyết khiếu nại:

1. Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (nếu có) sẽ do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giải quyết.

2. Mỗi cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan về công tác bầu cử, nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

3. Quy chế này gồm có 12 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua./.

Buôn Ma thuật, ngày 23 tháng 6 năm 2018

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU ĐÒN PHIẾU BẦU HĐQT VÀ BKS NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Quy định về việc bầu đòn phiếu:

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu đòn phiếu, theo đó mỗi cổ đòng có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên đòc bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đòng có quyền đòn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Số lượng ứng cử viên đòc bầu trong mỗi phiếu bầu không đòc vượt quá số lượng tối đa đòc phép bầu.

2. Cách thức bầu:

a. Xác định tổng số quyền bầu cử của một cổ đòng (hoặc đại diện cổ đòng) Tổng số quyền bầu cử của một cổ đòng (hoặc đại diện cổ đòng) đòc xác định như sau:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền bầu cử}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện}} * \boxed{\text{Số thành viên đòc bầu}}$$

Ví dụ: Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 5 người (trong số 6 người đòc giới thiệu), vào BKS là 3 người (trong số 4 người đòc giới thiệu). Ông X là người nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, quyền bầu cử HĐQT của ông X là $(1.000 * 5) = 5.000$ phiếu và quyền bầu cử BKS là $(1.000 * 3) = 3.000$ phiếu.

b. Cách thức bỏ phiếu:

Thực chất việc bỏ phiếu là phân phối toàn bộ hoặc một phần trong tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số các ứng cử viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó. Đối với trường hợp bầu 5 trong số 6 (hoặc nhiều hơn) ứng cử viên thì mỗi cổ đòng, đại diện cổ đòng chỉ đòc phân phối tối đa cho 5 người.

Cũng theo ví dụ trên, khi bầu HĐQT, ông X có thể chia tổng số quyền bầu cử của mình là 5.000 phiếu cho các ứng cử viên chẳng hạn như sau:

Số TT	Họ và tên	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn A	500
2	Nguyễn Văn B	1.200
3	Nguyễn Văn C	3.000
4	Nguyễn Văn D	
5	Nguyễn Văn E	
6	Nguyễn Văn F	300

Hoặc ông X có thể bầu đòn toàn bộ số phiếu của mình cho một ứng viên

Số TT	Họ và tên	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn A	
2	Nguyễn Văn B	5.000
3	Nguyễn Văn C	
4	Nguyễn Văn D	
5	Nguyễn Văn E	
6	Nguyễn Văn F	

Hoặc ông X có thể chia đều số phiếu của mình cho một số ứng viên nhưng không được vượt quá số lượng ứng viên cần bầu.

Số TT	Họ và tên	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Nguyễn Văn B	1.000
3	Nguyễn Văn C	1.000
4	Nguyễn Văn D	1.000
5	Nguyễn Văn E	
6	Nguyễn Văn F	1.000

Lưu ý:

- Ông X có thể sử dụng tất cả 5.000 phiếu để bầu cho 1 hoặc từ 2 đến 5 ứng cử viên; hoặc sử dụng ít hơn 5.000 phiếu để bầu cho các ứng cử viên, nhưng nếu dùng quá 5.000 phiếu thì phiếu bầu của ông sẽ là phiếu không hợp lệ.

- Trong mỗi phiếu bầu chỉ được bầu tối đa là 5 người

- Trong mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu cử của cổ đông (đại diện cổ đông) là bao nhiêu phiếu, số này trên từng phiếu là khác nhau, tùy theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện, tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá số này.

3. Phiếu bầu không hợp lệ:

Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

- Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu Công ty.

- Phiếu bầu có số người được bầu vượt quá số người cho phép (tức bầu nhiều hơn 5 người đối với HĐQT và hơn 3 người đối với BKS).

- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng cử viên (do người bầu tự cộng hoặc do ban kiểm phiếu cộng lại phát hiện) lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu.

- Phiếu bầu tự ý ghi thêm người ngoài danh sách đã được đại hội thông qua hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu khác để viết lại trước khi bỏ phiếu vào hòm phiếu).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----o0o-----



Kính gửi: (1) - Công ty Chứng khoán.....
(2) - Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung

Nội dung: Về việc xác nhận sở hữu cổ phần

Họ tên/Tên Công ty:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Người đại diện pháp luật (nếu có):.....

Tài khoản số:

Hiện đang sở hữu: cổ phần

Mã chứng khoán: SMB

Từ ngày: đến ngày:

Đề nghị xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., Ngày.....tháng.....năm 2018

Người đề nghị/Chủ tài khoản
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY

Xác nhận

Họ tên/Tên Công ty:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần; Mã chứng khoán: SMB

Từ ngày: đến ngày:

....., Ngày.....tháng.....năm 2018

Ghi chú:

(1) Đối với cổ đông đã lưu ký

(2) Đối với cổ đông chưa lưu ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----o0o-----

PHIẾU ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ III
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung



Kính gửi: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung

Họ tên cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Số lượng cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHCĐ thường niên năm 2018)

Đề nghị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung cho tôi/Công ty tôi đề cử/ứng cử:

Ông/Bà:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú :

Trình độ học vấn:.....; Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:..... (cổ phần)

Làm ứng viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo :

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao : CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ĐKKD (lần thay đổi gần nhất) ;
- Bản sao các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn ;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến 10/5/2018 - ngày chốt danh sách cổ đông

.....
.....

....., Ngày.....tháng.....năm 2018

ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----o0o-----

PHIẾU ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP NHIỆM KỲ III
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung

Kính gửi: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung

Họ tên cổ đông :.....

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Hiện đang sở hữu:(cổ phần).

Căn cứ theo quy định tại Khoản, 2 Điều 151, Luật Doanh nghiệp, tôi xét thấy có đủ điều kiện để ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty.

Đề nghị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung cho tôi ứng cử làm ứng viên tham gia Hội đồng quản trị độc lập của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung, nhiệm kỳ III.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo :

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao : CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/CĐKDN (lần thay đổi gần nhất);
- Bản sao các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn;

.....
.....

....., Ngày.....tháng.....năm 2018

ỨNG CỬ VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----o0o-----



PHIẾU ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ III
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung

Kính gửi: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung

Họ tên cổ đông :

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Số lượng cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHCĐ thường niên năm 2018)

Đề nghị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung cho tôi/Công ty tôi đề cử/ứng cử:

Ông/Bà:.....

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú :

Trình độ học vấn:.....; Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:.....(cổ phần)

Làm ứng viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo :

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản sao : CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/CĐKDN (lần thay đổi gần nhất) ;
- Bản sao các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn ;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến 10/5/2018 - ngày chốt danh sách cổ đông

.....
.....

....., Ngày.....tháng.....năm 2018
ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----000-----



....., Ngày.....tháng.....năm 2018

**BIÊN BẢN NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ III
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung**

Chúng tôi, những người có tên dưới đây, hiện đang sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến 10/5/2018 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung:

STT	Họ và tên người đề cử	Mã cổ đông (theo thư mời)	Số cổ phần đang sở hữu	Chữ ký người đề cử
Cộng				

Đồng ý đề cử Ông/Bà:

Địa chỉ:

CMND số:, Ngày cấp: ; Nơi cấp:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung nhiệm kỳ III vì xét đã thỏa mãn các điều kiện được quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

Biên bản đề cử này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----o0o-----

....., Ngày.....tháng.....năm 2018



**BIÊN BẢN NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ III
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung**

Chúng tôi, những người có tên dưới đây, hiện đang sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến 10/5/2018 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung:

STT	Họ và tên người đề cử	Mã cổ đông (theo thư mời)	Số cổ phần đang sở hữu	Chữ ký người đề cử
Cộng				

Đồng ý đề cử Ông/Bà:

Địa chỉ:

CMND số:, Ngày cấp: ; Nơi cấp:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Tham gia ứng cử Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung nhiệm kỳ III vì xét đã thỏa mãn các điều kiện được quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

Biên bản đề cử này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4

SƠ YẾU LÝ LỊCH
ỨNG CỬ VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và Tên:	
Ngày tháng năm sinh:	
Nơi sinh:	
Giới tính:	
Số CMND/Hộ chiếu:	
Quốc tịch:	
Dân tộc:	
Quê quán:	
Địa chỉ thường trú:	
Điện thoại liên lạc:	
Trình độ học vấn:	
Chuyên ngành:	
Quá trình công tác:	
Từ.....đến.....	
Từ.....đến.....	
Từ.....đến.....	
Từ.....đến.....	
Số cổ phần đang nắm giữ của bản thân:	
Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:	
Hành vi vi phạm pháp luật:	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	
Các khoản nợ đối với Công ty:	

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày tháng năm 2018
NGƯỜI KHAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4



SƠ YẾU LÝ LỊCH
ỨNG CỬ VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và Tên:	
Ngày tháng năm sinh:	
Nơi sinh:	
Giới tính:	
Số CMND/Hộ chiếu:	
Quốc tịch:	
Dân tộc:	
Quê quán:	
Địa chỉ thường trú:	
Điện thoại liên lạc:	
Trình độ học vấn:	
Chuyên ngành:	
Quá trình công tác:	
Từ.....đến.....	
Từ.....đến.....	
Từ.....đến.....	
Từ.....đến.....	
Số cổ phần đang nắm giữ của bản thân:	
Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:	
Hành vi vi phạm pháp luật:	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	
Các khoản nợ đối với Công ty:	

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày tháng năm 2018
NGƯỜI KHAI

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak

-Điện thoại: (84-262) 3877519;

-Fax: (84-262) 3877455

-Website: www.biasaigonmt.com.vn;

-Email: huuphusmb@gmail.com



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

(Ngày 23 tháng 6 năm 2018, Thời gian từ 8 giờ đến 11 giờ 30)

1. Giới thiệu Đại biểu tham dự Đại hội.
2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
3. Giới thiệu danh sách và thông qua Chủ tịch đoàn, Thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu
4. Thông qua Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông 2018
5. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2017, kế hoạch năm 2018.
6. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018.
8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018.
9. Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
10. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017, Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018.
11. Trình Đại hội lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018.
12. Trình Đại hội thông qua Quy chế quản trị Công ty.
13. Trình Đại hội thông qua Điều lệ Công ty.
14. Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
15. Thảo luận, giải đáp ý kiến của cổ đông.
16. Phát biểu của Lãnh đạo cấp trên.
17. Đại hội biểu quyết các nội dung (*Phiếu biểu quyết*) và bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty (*Phiếu bầu cử*).
18. Đại hội giải lao; Ban kiểm phiếu thống kê kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.
19. Báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết và kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
20. Thông qua dự thảo Biên bản, dự thảo Nghị quyết và biểu quyết.
21. Bế mạc Đại hội – Mời cơm trưa.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2018

DỰ THẢO

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi áp dụng

- 1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Miền Trung.
- 1.2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Mục tiêu

- 2.1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- 2.2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

**CHƯƠNG II
BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Điều 3: Đoàn Chủ tọa Đại hội

Đoàn Chủ tọa gồm 02 thành viên: Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội và Thành viên còn lại do Chủ tọa giới thiệu, được Ban tổ chức trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Điều 4: Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu

Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu do Ban tổ chức Đại hội đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua.

**CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 5: Quyền và trách nhiệm của Đoàn Chủ tọa

- Chủ trì Đại hội;
- Trình bày chương trình, các nội dung để Đại hội biểu quyết thông qua.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 6: Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội

- 6.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- 6.2. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- 6.3. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 7: Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- 7.1. Tổ chức công tác bầu cử của Đại hội.
- 7.2. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông hoặc người được ủy quyền.
- 7.3. Thực hiện việc đếm số Phiếu biểu quyết và kiểm Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.
- 7.4. Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- 7.5. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử giao cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông

- 8.1. Điều kiện tham dự
 - Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 10/05/2018 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.
 - Cổ đông, người đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, Hộ chiếu, Giấy ủy quyền ...) và Thư mời họp để làm thủ tục tại Bộ phận thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (có ghi mã số cổ đông, ứng với mã số này là số cổ phần mà Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu) và tài liệu Đại hội.
 - Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận các tài liệu trên.
 - Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại bên thứ ba.
- 8.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội
 - Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa, chỉ được phát biểu khi chủ tọa cho phép trên tinh thần ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
 - Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ



không bị ảnh hưởng. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết phía sau.

- Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

CHƯƠNG IV CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 9: Tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung do trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 10/05/2018.

Điều 10: Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

- 10.1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Đoàn Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách tiến hành giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu góp ý gửi cho Đoàn Chủ tọa.
- 10.2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Thời lượng phát biểu của một cổ đông không quá 05 phút. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.
- 10.3 Thời gian thảo luận và chất vấn tại Đại hội: Theo chương trình đã được Đại hội thông qua, hết thời gian đại hội nếu còn ý kiến gì khác đề nghị cổ đông gửi bằng phiếu ý kiến qua Thư ký đại hội, Chủ tịch HĐQT/ TGD Công ty có trách nhiệm trả lời bằng văn bản chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 11: Bầu cử

Thực hiện theo Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Điều khoản thi hành

- 11.1. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung có 5 Chương, 12 Điều. *Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.*
- 11.2. Đoàn Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
- 11.3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

*Nơi nhận:

- Website Cty (www.biasaigonmt.com.vn)
- Cổ đông tại đại hội

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak

-Điện thoại: (84-262) 3877519 ; -Fax: (84-262) 3877455

-Website: www.biasaigonmt.com.vn ; -Email: huuphusmb@gmail.com



DANH SÁCH

Các vấn đề thảo luận và biểu quyết thông qua
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
(Ngày 23 tháng 6 năm 2018)

1. Biểu quyết thông qua kết quả SXKD năm 2017, kế hoạch SXKD năm 2018.
2. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2017 đã được kiểm toán và xác nhận thông tin trong Báo cáo tài chính các năm trước.
3. Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018.
4. Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018.
5. Biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.
6. Biểu quyết thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2018.
7. Biểu quyết thông qua Tờ trình về quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao năm 2018.
8. Biểu quyết thông qua Tờ trình về lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018.
9. Biểu quyết thông qua Quy chế quản trị Công ty.
10. Biểu quyết thông qua Điều lệ Công ty.

Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

1. Tình hình chung năm 2017:

Năm 2017 tình hình thời tiết diễn biến bất thường, nạn hạn hán, lũ lụt, xâm ngập mặn, mưa bão... trong năm kéo dài, gây hậu quả nghiêm trọng tại các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đã ảnh hưởng lớn đến SXKD của doanh nghiệp. Thuế tiêu thụ đặc biệt mặt hàng bia, rượu năm 2017 tăng 5% và mức đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN của doanh nghiệp đều tăng, xu hướng tiêu dùng bia chai giảm, ... đã tác động đáng kể đến hoạt động SXKD của Công ty.

Tuy nhiên, được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của các địa phương, sự quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị, của Tổng Công ty. Lãi suất ngân hàng và giá cả nguyên nhiên vật liệu, vận chuyển năm 2017 tương đối ổn định đã góp phần vào kết quả chung của Công ty. Đặc biệt, đầu tháng 5/2017 dây chuyền chiết lon tại Nhà máy Bia Sài Gòn - DakLak hoàn thành và đưa vào sản xuất đã cải thiện đáng kể sản lượng tiêu thụ năm 2017. Bên cạnh đó, khối đoàn kết nội bộ trong đơn vị tiếp tục được duy trì và ngày càng phát triển là nền tảng lớn góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	%TH/ KH 2017	%TH/ CK 2016
1	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	166.77	181.70	185.91	102.32	111.48
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	110.50	121.00	120.46	99.56	109.02
	+ Bia SG Lon Lager 355	Tr.lít	0.00	32.00	35.42	110.70	0.00
	+ Bia SG 450	Tr.lít	64.05	50.00	48.68	97.36	76.01
	+ Bia SG Lager 355	Tr.lít	14.40	20.00	18.88	94.42	131.14
	+ Bia SG 355	Tr.lít	32.05	19.00	17.47	91.96	54.52
1.2	SP tự doanh (Bia các loại, Nước tinh khiết, Nước ngọt, Sữa, Rượu, ...)	Tr.lít	56.27	60.70	65.45	107.83	116.32
2	Tổng Doanh Thu (*)	Tỷ.đ	852.40	1,135.4	1,215.90	107.10	142.64
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	130.54	125.00	160.00	128.00	122.56
4	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	763.50	936.70	952.35	101.67	124.73

(Ghi chú: * Tổng doanh thu trên bao gồm cả DT hoạt động tài chính và thu nhập khác, nhưng loại trừ thuế TTDB và doanh thu nội bộ, theo Thông tư 200/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ TC)

3. Nhận xét và đánh giá:

3.1. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Kịp thời đề nghị Tổng Công ty điều chuyển sản lượng và điều phối cơ cấu sản phẩm các loại bia Sài Gòn giữa các nhà máy trong công ty theo hướng phù hợp với tình hình tiêu thụ thực tế nên đã cải thiện đáng kể tình hình giao hàng, nhất là 6 tháng cuối năm 2017.
- Luôn tuân thủ quy trình công nghệ và thực hiện nghiêm ngặt các quy định của Tổng Công ty về công tác sản xuất bia Sài Gòn.
- Chủ động điều phối sản xuất bia tự doanh giữa các Nhà máy trong Công ty, nên nhìn chung đã khai thác hầu hết công suất dư thừa của các nhà máy.
- Triệt để thực hành tiết kiệm trong từng công đoạn sản xuất, giảm giá thành sản phẩm,... đảm bảo đáp ứng được đầy đủ theo yêu cầu giao hàng của SABECO và nhu cầu của thị trường.
- Thành lập Công ty TNHH ITV TM-DV Bia Quy Nhơn và đi vào hoạt động từ ngày 01.10.2017, bước đầu hoạt động có hiệu quả.

3.2. Về công tác quản lý kỹ thuật:

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật quy định của SABECO. Được Tổng Công ty SABECO đánh giá công tác quản lý kỹ thuật – sản xuất tại 3NM đều đạt yêu cầu.
- Chủ động tự đánh giá và khắc phục các sai lỗi và thiếu sót trong quá trình vận hành.
- Tiếp tục giữ vững chất lượng ổn định ra thị trường, đặc biệt là Bia Sài Gòn. Chất lượng sản phẩm của 3 NM đều được Tổng Công ty đánh giá là tốt.
- Công tác bảo trì, kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị theo định kỳ được thực hiện đầy đủ, phần lớn các sự cố được khắc phục kịp thời.
- Hệ thống dây chuyền chiết Bia lon tại NM ĐăkLăk được đưa vào sản xuất và chiết mẻ bia lon đầu tiên ngày 12/5/2017. Đội ngũ công nhân kỹ thuật tại 3 NM đã làm chủ được công nghệ và vận hành hệ thống đạt hiệu quả.
- Tất cả các lô bia xuất xưởng đều đạt yêu cầu kỹ thuật về các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và cảm quan.
- Về tiêu hao nguyên vật liệu: Phần lớn giảm và ngang bằng so với định mức.

3.3. Về công tác tiêu thụ:

Tiêu thụ sản phẩm các loại năm 2017 được 185,9 Tr.lít bằng 102% KH năm 2017 (181,7 Tr.lít) và bằng 111,5% so CK 2016 (166,77 Tr.lít). T.đó:

3.3.1. Bia Sài Gòn:

Tiêu thụ 120,46 Tr.lít bằng 99,56% KH 2017 và bằng 109,02% so cùng kỳ 2016.

Qua kết quả tiêu thụ cho thấy:

+ Tình hình tiêu thụ sản phẩm bia chai Sài Gòn năm 2017 tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên giảm rõ rệt. Tuy nhiên, bia lon lager phát triển tốt nên đã bù đắp được phần sản lượng bia chai thiếu hụt.

+ Chủ động phối hợp với các đơn vị Thương mại, Vận tải nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc giao nhận hàng.

+ Tổng Công ty thực hiện chủ trương Nhà máy sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ tại chỗ (nhằm giảm chi phí vận chuyển) làm cho sản lượng bia chai SG355 tại NM Quy Nhơn giảm rõ rệt. (CN Quy Nhơn tiêu thụ tại chỗ SG 355 rất ít)

+ Đầu tư dây chuyền bia lon và 03 tank lên men và 1 tank TBF tại NM ĐăkLăk sớm hơn KH nên kịp thời giải quyết bài toán sản lượng sản xuất và tiêu thụ.

+ Đầu tư mở rộng hệ thống nấu bia tại Phú Yên đã tạo điều kiện thuận lợi trong công tác sản xuất bia Sài Gòn và kịp thời cung ứng sản phẩm bia hơi cho thị trường tại chỗ.

3.3.2. Các sản phẩm tự doanh (Bia các loại, Nước tinh khiết, Nước ngọt, Sữa, Rượu,...):

Tổng tiêu thụ 65,45 Tr.lít bằng 107,83% KH 2017 và bằng 116,32% so CK 2016.

- Nhìn chung kết quả tiêu thụ các sản phẩm tự doanh toàn công ty năm qua đạt khá, tăng trưởng hơn so với năm trước. Việc sản xuất và tiêu thụ thêm sản phẩm tự doanh ngoài việc tăng thêm việc làm cho người lao động trong đơn vị, còn giải quyết bài toán nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, tận dụng công suất dư thừa tại các nhà máy trong công ty.
- Sản lượng tiêu thụ bia tự doanh năm qua được duy trì ổn định ở phân khúc trung bình thấp, đáp ứng một phần nhu cầu của người lao động chân tay địa phương và đồng bào dân tộc tại chỗ. Nhất là bia hơi Phú Yên được đông đảo người lao động tại chỗ ưa thích, phát triển tốt.
- Sản phẩm nước uống đóng chai có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, sản phẩm nước uống đóng chai Sapy và Serepok tiếp tục được thị trường Phú Yên và DakLak chấp nhận.
- Sữa BaZan và Rượu Serepok sản lượng tiêu thụ còn ít, nhưng cũng có sự tăng trưởng so với cùng kỳ. Sản phẩm đang xây dựng thương hiệu và thị trường, bước đầu được người tiêu dùng đánh giá ngon và dễ uống.
- Gia công sản phẩm và cung cấp dịch vụ kho cho Pepsico: Tiếp tục góp phần giải quyết lao động và công suất dư thừa tại nhà máy Quy Nhơn

4. Công tác đầu tư:

Năm 2017 Công ty tiếp tục thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư từ năm 2016 chuyển sang và triển khai thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư năm 2017 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Trong đó, một số hạng mục đầu tư thực hiện và hoàn thành đúng theo tiến độ, sớm hơn tiến độ và một số khác công tác chuẩn bị tài liệu thẩm định còn chậm nên đang trong giai đoạn triển khai và phê duyệt.

Một số hạng mục chính thực hiện tại 3 Nhà máy trong năm 2017, cụ thể như sau:

+ **DakLak:**

1. Đầu tư dây chuyền chiết lon, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm thuộc dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn-DakLak lên 70 triệu lít/năm
2. Đầu tư Tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Daklak, thuộc Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn- Daklak lên 70 triệu lít/năm, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất hiện tại.

+ **Quy Nhơn:**

1. Thuê thêm 2 ha đất tại Nhà máy bia Sài Gòn-Quy Nhơn.
2. Đầu tư Kho khu B tại Nhà máy bia Sài Gòn-Quy Nhơn.
3. Nhận chuyển nhượng quyền được thuê diện tích 8.605,3 m² đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Giày An Phú tại Quy Nhơn.

+ **Phú Yên:**

1. Đầu tư hệ thống máy lạnh công suất 400 KW tại Nhà máy bia Sài Gòn-Phú Yên.
2. Đầu tư Hệ thống nhà Nấu sản xuất Bia tự doanh tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên.

5. Các mặt công tác khác:

- Công tác ISO: Duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2005, áp dụng thống nhất trong toàn Công ty theo quy định của Tổng Công ty SABECO. Tham gia đào tạo nhận thức, diễn giải và kỹ năng đánh giá nội bộ theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.
- Công tác vệ sinh môi trường luôn được đảm bảo, thường xuyên duy trì chăm sóc cảnh quan và cây xanh tại các Nhà máy. Công ty đã triển khai Ngày môi trường SMB

(24/6/2017) đến các Nhà máy trong Công ty và lấy ngày 24/6 hàng năm là ngày Môi trường của Công ty.

- Về công tác đào tạo: Triển khai thực hiện các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động như: Phối hợp cùng với TCTy SABECO đào tạo Công nghệ Nấu bia cho một số kỹ sư công nghệ Công ty. Tập huấn về công tác an ninh - an toàn lao động, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, đào tạo nghiệp vụ bán hàng và quản lý bán hàng,... và phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật và chuyên môn, tạo động lực cho người lao động phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Về công tác thi đua khen thưởng: Công ty và các Chi nhánh đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sâu rộng đến toàn thể người lao động bằng các giải pháp, sáng kiến thiết thực và hiệu quả. Năm 2017 có 30 đề tài sáng kiến, giải pháp hữu ích được Hội đồng sáng kiến Công ty công nhận xác định có hiệu quả và được áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên và người lao động toàn Công ty nhân dịp Lễ, Tết, tổ chức tham quan học tập trong và ngoài nước; thực hiện công tác xét nâng lương cho người lao động đúng theo quy định và hoàn thành công tác bình xét thi đua khen thưởng, sáng kiến năm 2017.
- Tham gia tích cực các công tác xã hội, tặng quà cho hộ gia đình khó khăn, học sinh nghèo vượt khó,... hỗ trợ, đóng góp các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, nhận phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng các căn nhà tình nghĩa tại địa phương, tài trợ các sản phẩm tự doanh của Công ty tại các sự kiện diễn ra tại địa phương,...

Nhìn chung, năm 2017 với nhiều khó khăn và thách thức nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự linh hoạt Ban điều hành, sự hỗ trợ của Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, cùng với nỗ lực của tập thể CBCN lao động, toàn Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 đã thông qua.

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

1. Tình hình chung:

a. Thuận lợi:

- Năm 2018, dự báo kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khá, Chính phủ đã và đang quyết liệt tái cơ cấu nền kinh tế, cải cách thủ tục hành chính cùng với môi trường đầu tư, kinh doanh được thông thoáng, công khai, minh bạch hơn sẽ tạo động lực thúc đẩy cho nền kinh tế phát triển.
- Bia Sài Gòn vẫn giữ vững là thương hiệu mạnh với chất lượng ổn định và giá bán phù hợp, được đông đảo người tiêu dùng ưa chuộng. Sản phẩm bia Sài Gòn chiếm thị phần lớn tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, tiêu thụ của Công ty.
- Được Tổng Công ty và chính quyền địa phương sở tại quan tâm sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ nhiều mặt, nhất là trong công tác kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.
- Mối quan hệ giữa Công ty, Nhà máy và các đơn vị Thương mại và Vận tải khu vực được nâng lên là cơ sở quan trọng cho sự phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ đẩy mạnh tiêu thụ bia Sài Gòn.

- Tập thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty có trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc, có tinh thần trách nhiệm và đoàn kết cao là nền tảng cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn sắp tới.

b. Khó khăn:

- Tình hình giá cả vật tư nguyên vật liệu, nhiên liệu, điện nước đều tăng cao (bình quân trên 12%); thuế tiêu thụ đặc biệt mặt hàng bia, rượu tăng từ 60% lên 65%; tiền lương cho người lao động, mức đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN đều tăng; ... trong khi đó giá bia TCT điều chỉnh tăng còn thấp so với các mức tăng nói trên, làm ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận.
- Tình hình khí hậu, thời tiết khu vực Miền Trung – Tây Nguyên diễn biến phức tạp, thị trường bia cạnh tranh ngày càng gay gắt tiếp tục là khó khăn trong năm 2018.
- Tiêu thụ bia Sài Gòn trên thị trường đang thay đổi theo xu hướng tăng bia lon và giảm bia chai, trong khi đó sản xuất bia chai của cả 03 Nhà máy còn chiếm tỷ trọng lớn nên sẽ ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ. Mặt khác, TCTy giao cho các Nhà máy của Công ty sản xuất các loại bia chai có giá thành thấp nên làm ảnh hưởng đến lợi nhuận.

2. Một số chỉ tiêu chính:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	T. hiện 2017	Kế hoạch 2018					% KH2018/ TH2017
				Tổng cộng	Trong đó				
					DL	QN	PY	TMQN	
I	Sản lượng SX&TT	Tr.lít	185.9	198.6	97.7	58.2	42.7	(30.0)	106.8
1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	120.5	141.8	85.9	32.2	23.7		117.7
	+ Bia lon Lager 330	Tr.lít	35.4	37.5	37.5				105.9
	+ Bia SG 450	Tr.lít	48.7	53.4	23.3	12.1	18.0		109.7
	+ Bia SG Lager 355	Tr.lít	18.9	28.6	19.7	3.3	5.7		151.3
	+ Bia SG 355	Tr.lít	17.5	20.8	3.9	16.8			118.9
	+ Bia Silver			1.5	1.5				
2	SP tự doanh (Bia các loại, Nước tinh khiết, Nước ngọt, Sữa, Rượu, ...)	Tr.lít	65.5	56.8	11.8	26.0	19.0	(30.0)	86.7
II	Tổng Doanh Thu (*)	Tỷ.đ	1215.9	1343.1	703.7	325.4	191,4	122.6	110.5
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	160.0	115.0	53.7	39.4	19.7	2.2	71.9
IV	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	952.4	1139.0	678.6	305.3	153.7	1.4	119.6

(Ghi chú: * Tổng doanh thu nói trên bao gồm cả doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác, nhưng loại trừ thuế TTĐB và doanh thu nội bộ, theo Thông tư 200/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ TC)

3. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

a. Về công tác tổ chức, đào tạo, lao động tiền lương:

- Tiếp tục củng cố mô hình tổ chức hiện nay theo hướng tinh thông và chuyên nghiệp hơn.
- Có chính sách thu hút lao động giỏi, có kế hoạch quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, CBCNV có năng lực, tâm huyết, gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh và ban hành các văn bản pháp quy áp dụng chung toàn Công ty.
- Xem xét thành lập đơn vị thương mại tiêu thụ sản phẩm tự doanh tại CN Phú Yên trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV TM-DV bia Quy Nhơn.

b. Về công tác sản xuất:

- Đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động an toàn, sản xuất liên tục thông suốt, cung cấp đầy đủ và kịp thời hàng cho SABECO, đồng thời tận dụng tối đa phân công suất thừa để sản xuất các sản phẩm tự doanh của Công ty nhằm đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện việc điều phối sản xuất giữa 3NM kịp thời và linh hoạt nhằm khai thác tối đa công suất của các Nhà máy, đem lại hiệu quả chung cho Công ty. Chủ động, kịp thời điều phối sản xuất, nhân lực và điều chuyển vật tư, bao bì, công cụ dụng cụ,... giữa các Nhà máy trong Công ty đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo quy định, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của SABECO. Mạnh dạn sử dụng vật tư, thiết bị cùng công dụng có giá thành thấp đưa vào thay thế nhằm tăng hiệu quả sản xuất nhưng vẫn đảm bảo theo yêu cầu của SABECO.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế thấp nhất thời gian ngừng máy và sự cố trong sản xuất.
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong SXKD và công tác quản lý.

c. Về công tác tiêu thụ:

* Đối với Bia Sài Gòn:

- Thực hiện chủ trương đồng hành cùng các Công ty Thương mại, chủ động phối kết hợp với công ty Thương mại để kết nối với các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương nhằm phát triển thị trường theo hướng bền vững. Cùng với các Công ty Thương mại khu vực và Ban Marketing TCT thực hiện tốt các chương trình giới thiệu, quảng bá tiêu thụ bia Sài Gòn.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban tiêu thụ Tổng công ty SABECO để đẩy mạnh giao nhận hàng, đơn đốc và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các Chi nhánh Thương mại nhận đủ hàng theo kế hoạch tuần đã thông báo.
- Thường xuyên theo dõi bám sát, có chính sách hợp tác và phối hợp cùng với các đơn vị vận tải để cùng nhau tháo gỡ các khó khăn trong công tác vận chuyển, giao nhận kết vỏ chai kịp thời phục vụ cho sản xuất, nhằm đẩy mạnh công tác tiêu thụ bia Sài Gòn.

* Đối với các sản phẩm tự doanh:

- Tiếp tục rà soát, đánh giá khả năng phát triển của từng loại sản phẩm để có chính sách đầu tư thích hợp và phù hợp với chủ trương của SABECO
- Chủ động điều phối kế hoạch sản xuất nhịp nhàng và đồng bộ giữa 03 NM để đảm bảo cung ứng kịp thời và đầy đủ hàng hóa cho thị trường. Giữ vững thị phần hiện có và tiếp tục tìm kiếm, mở rộng thị trường và đẩy mạnh công tác tiêu thụ bằng các chính sách bán hàng phù hợp.
- Duy trì tiêu thụ ổn định tại địa bàn của từng đơn vị và tăng cường mở rộng đến các khu vực lân cận, khu vực có tiềm năng. Xây dựng các chương trình và chính sách bán hàng linh hoạt, tăng cường quảng bá sản phẩm, nhận diện thương hiệu thông qua Pano, bảng hiệu, hộp đèn...và các vật phẩm, dụng cụ quảng cáo khác.
- Xây dựng thị trường, phát triển hệ thống kênh phân phối theo hướng chuyên nghiệp hơn nhằm đẩy mạnh tiêu thụ.

d. Về công tác tài chính:

- Tiến hành quản trị kết quả SXKD theo từng tháng, từng quý, đặc biệt là các yếu tố đầu vào, chi tiêu, sử dụng vốn, chi phí tiền lương, định mức tiêu hao trong sản xuất... để kịp thời chấn chỉnh thực hiện đúng quy chế quy định của công ty; đồng thời có giải pháp kịp thời nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thường xuyên cân đối dòng tiền và xây dựng các giải pháp tài chính nhằm huy động vốn có hiệu quả, tìm nguồn vốn vay đảm bảo giảm thiểu chi phí tài chính thông qua việc điều chuyển vốn giữa các đơn vị để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chung của C.ty.

e. Về công tác đầu tư:

- Thực hiện quyết toán các dự án đã đầu tư hoàn thành.
- Tiếp tục triển khai đẩy nhanh tiến độ cho các dự án đã được phê duyệt. Những dự án và chương trình chưa thực sự cần thiết thì xem xét, chưa thực hiện đầu tư trong năm.

- Sẽ trình HĐQT xem xét phê duyệt các dự án gia tăng năng lực sản xuất phù hợp với yêu cầu SABECO và thị trường.

f. Các mặt công tác khác:

- Phát huy phong trào thi đua, lao động sáng tạo trong cán bộ công nhân viên và người lao động toàn Công ty, coi đây là công việc thường xuyên có tác dụng tăng năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả SXKD.
- Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005.
- Thường xuyên quan tâm và triển khai thực hiện tốt công tác ATTP, PCCC, môi trường, ... và thực hiện các chính sách đối với người lao động đúng pháp luật. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV toàn Công ty.
- Tiếp tục xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết nội bộ trong Công ty, coi đây là văn hóa doanh nghiệp và là nền tảng cho sự phát triển. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy, các quy chế, quy định áp dụng chung cho toàn Công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động công tác xã hội và hoạt động nhân đạo, chung tay phát triển cộng đồng bằng nhiều chương trình, hành động thiết thực, có ý nghĩa.

4. Một số kiến nghị với Tổng công ty SABECO:

Nhằm mang lại hiệu quả cho cổ đông, hoàn thành kế hoạch Tổng công ty giao năm 2018; đóng góp trách nhiệm, lợi ích đối với xã hội, cộng đồng; kính đề nghị Tổng công ty xem xét giải quyết một số nội dung sau:

+ Năm 2018 tình hình giá cả vật tư nguyên vật liệu tăng cao (bình quân trên 12%); thuế tiêu thụ đặc biệt tăng thêm 5%; các chi phí về tiền lương BHXH, BHYT, BHTN đều tăng; ... trong khi đó giá bia Tổng công ty điều chỉnh tăng áp dụng từ ngày 1/4/2018 còn quá thấp so với các mức tăng nói trên (chỉ bù đắp được một phần), chắc chắn sẽ làm ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty.

+ Hiện nay giá mua các loại bia chưa đồng đều về lợi nhuận/đơn vị sản phẩm, giá mua bia SG 355 và bia Lon Lager, ... của TCT còn thấp nên tỷ suất lợi nhuận các loại bia này thấp hơn các loại bia SG còn lại. Do vậy, đề nghị TCT xem xét điều chỉnh giá cho hợp lý hơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (Để báo cáo);
- Trang Web SMB;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Dũng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Phước	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/4/2017)
Ông Nguyễn Bích Đạt	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Ủy viên (từ nhiệm ngày 28/3/2017)

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Điền	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2017)
Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2017)
Ông Đặng Sanh Định	Giám đốc chi nhánh Phú Yên
Ông Nguyễn Hoàng Long	Giám đốc chi nhánh Quy Nhơn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Huỳnh Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

11/02/18
C
K
A
/T/

Số: 19 /2018/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 09/02/2018 và được trình bày từ trang số 06 đến trang số 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và các Công ty con tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 36 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả sự không chắc chắn của việc liệu Công ty có được miễn khoản phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt của các năm 2011 và 2012 theo công văn số 2326/UBND-TH ngày 26/07/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trong giai đoạn trụ sở chính Công ty đặt tại khu công nghiệp Phú Tài - TP. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định) với số tiền 13.462.481.467 đồng hay không. Vấn đề này đã được chúng tôi lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính trong các báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2015 và 2016. Đến ngày 31/12/2017 trong khi chờ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã thực hiện nộp một phần theo yêu cầu của Cục thuế tỉnh Đăk Lăk với tổng số tiền là 5.047.180.366 đồng.



Ngô Việt Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

Bùi Quốc Trung
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1937-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		205.721.005.407	189.044.754.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.079.085.699	2.654.806.247
1. Tiền	111	5	6.079.085.699	2.654.806.247
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.701.076.867	67.908.411.476
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	40.946.785.012	42.400.500.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.360.234.252	15.241.500.204
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.723.867.987	11.291.010.785
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.332.193.886)	(1.024.711.086)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.383.502	110.832
III. Hàng tồn kho	140		142.989.740.694	111.976.778.629
1. Hàng tồn kho	141	9	142.989.740.694	111.976.778.629
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.951.102.147	6.504.758.215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.340.462.742	6.493.243.647
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.610.639.405	11.514.568
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		552.796.044.572	457.602.766.112
I. Tài sản cố định	220		478.343.003.170	393.035.398.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	477.760.335.400	392.305.730.918
- Nguyên giá	222		1.307.620.976.397	1.132.651.965.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(829.860.640.997)	(740.346.234.784)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	582.667.770	729.667.783
- Nguyên giá	228		1.406.656.962	1.406.656.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(823.989.192)	(676.989.179)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	7.970.897.618	8.299.337.114
- Nguyên giá	231		9.179.007.071	9.179.007.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.208.109.453)	(879.669.957)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		334.268.210	1.266.027.534
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		334.268.210	1.266.027.534
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		975.860.000	975.860.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		975.860.000	975.860.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		65.172.015.574	54.026.142.763
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	61.845.605.322	50.372.703.105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.326.410.252	3.653.439.658
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		758.517.049.979	646.647.520.679

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01 - DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		281.289.456.736	201.085.901.334
I. Nợ ngắn hạn	310		212.173.775.674	180.602.754.951
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	19.767.612.172	31.476.944.114
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		926.392.405	543.753.448
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	124.693.072.049	66.843.774.347
4. Phải trả người lao động	314		19.012.246.529	12.609.898.071
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.164.687.651	5.176.720.010
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		64.742.661	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	13.946.150.102	12.571.659.964
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	29.530.000.000	51.441.259.682
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.872.105	(61.254.685)
II. Nợ dài hạn	330		69.115.681.062	20.483.146.383
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	3.297.500.000	2.253.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	49.223.181.711	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	16.594.999.351	18.230.146.383
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		477.227.593.243	445.561.619.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	477.227.593.243	445.561.619.345
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.094.708.896	40.726.992.884
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.654.169.654	106.355.911.768
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		395.199.321	2.678.751.646
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		127.258.970.333	103.677.160.122
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		758.517.049.979	646.647.520.679

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập



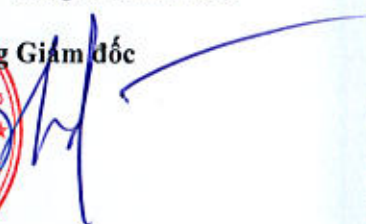
Nguyễn Thành Nguyên

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B 02 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.123.981.254.450	821.540.375.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.850.970.410	1.133.942.729
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.122.130.284.040	820.406.432.725
4. Giá vốn hàng bán	11	24	886.394.826.114	615.023.499.472
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		235.735.457.926	205.382.933.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.538.116.778	389.018.995
7. Chi phí tài chính	22	26	3.948.082.603	5.622.718.220
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.948.082.603	5.622.596.875
8. Chi phí bán hàng	25	27	38.626.192.284	35.013.926.093
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	65.261.889.962	59.507.370.295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.437.409.855	105.627.937.640
11. Thu nhập khác	31	29	34.927.319.247	31.583.364.274
12. Chi phí khác	32	30	10.357.246.233	6.666.321.822
13. Lợi nhuận khác	40		24.570.073.014	24.917.042.452
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		160.007.482.869	130.544.980.092
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	32.421.483.130	26.434.142.425
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	327.029.406	433.677.545
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		127.258.970.333	103.677.160.122
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	4.264	2.771
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.264	2.771

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thành Nguyên

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc




Huỳnh Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B 03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2017	2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	160.007.482.869	130.544.980.092
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	95.966.965.792	91.074.827.255
- Các khoản dự phòng	03	1.502.937.938	1.010.912.112
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.282.378.217)	(573.598.128)
- Chi phí lãi vay	06	3.948.082.603	5.622.596.875
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	260.143.090.985	227.679.718.206
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.385.503.062	(15.947.787.423)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(31.012.962.065)	2.505.357.872
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	35.390.356.517	810.730.602
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.308.776.493)	(10.713.865.648)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.334.903.783)	(6.331.008.682)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.141.194.201)	(26.086.860.813)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	402.396.750	1.349.607.618
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.878.674.782)	(24.524.871.935)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	222.644.835.990	148.741.019.797
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(175.358.674.937)	(29.578.615.649)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	83.173.636	218.181.818
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.250.390.249	389.018.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(174.025.111.052)	(28.971.414.836)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	781.798.395.173	588.250.466.401
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(754.486.473.144)	(672.836.914.884)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.507.367.515)	(46.952.394.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.195.445.486)	(131.538.843.330)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.424.279.452	(11.769.238.369)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.654.806.247	14.424.044.616
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.079.085.699	2.654.806.247

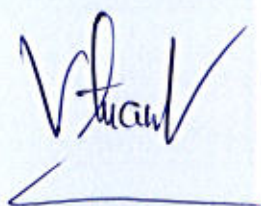
Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thành Nguyên

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Dũng

Số: **34** /CV-AVIV/v: *Xác nhận thông tin trong
Báo cáo tài chính 2015, 2016 và 2017*

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng và xin cảm ơn Quý Công ty đã hợp tác với công ty chúng tôi trong việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và các năm trước của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung. Chúng tôi đã nhận được công văn số 117/CV-CT ngày 08/4/2018 của Quý Công ty về việc Chính sửa bổ sung hồ sơ ĐKNY, trong đó có một số vấn đề liên quan tới Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán, chúng tôi có ý kiến như sau:

1. Trong Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, Công ty đã thuyết minh bổ sung chi tiết bằng lời chi tiêu "**Các khoản điều chỉnh khác**" - Mã số 07 với số tiền 13.462.481.467 đồng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm cả chi phí dự phòng thôi việc. Thực tế, chi tiêu này không có chi phí dự phòng thôi việc. Chúng tôi đánh giá sai sót của việc trình bày nội dung chi tiêu này không ảnh hưởng đến các thông tin của Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cũng như không ảnh hưởng tới ý kiến của kiểm toán viên và người sử dụng Báo cáo tài chính của Công ty.

2. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2016, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung đã phân loại lại số liệu trình bày trên các chi tiêu "**Chi phí lãi vay**" - Mã số 06 với số tiền đã giảm 407.447.121 đồng và chi tiêu "**Tăng giảm các khoản phải trả**" - Mã số 11 với số tiền đã tăng 407.447.121 đồng trên cột số liệu đầu năm so với số được chuyển từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015 sang, dẫn đến việc có sự không thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2015 đã phát hành. Chúng tôi đánh giá việc phân loại lại số liệu nói trên không làm thay đổi bản chất của các thông tin tài chính trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Công ty yêu cầu kiểm toán viên phải đưa ra ý kiến về việc phân loại lại này cũng như không ảnh hưởng tới ý kiến của người sử dụng báo cáo tài chính.

3. Đối với khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2016, số liệu thuyết minh chi tiết như sau:

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Krones AG (CHLB Đức)	8.741.536.250	-
Công ty TNHH Xây dựng Ròng Việt	3.366.500.000	645.000.000
Công ty CP Alphagroup	-	367.833.700
Các khoản trả trước người bán khác	993.180.875	445.348.559
Cộng	<u><u>13.101.217.125</u></u>	<u><u>1.458.182.259</u></u>



Chúng tôi xin xác nhận nội dung giải thích về khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2016 của SMB đã tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam. Giải trình của công ty là phù hợp với các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

4. Về tỷ lệ vốn góp cổ đông Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn được thuyết minh tại mục IV.21 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2015 là 31%, đây là sai sót do lỗi trình bày trong quá trình lập báo cáo tài chính. Thực tế giá trị khoản góp vốn và tỷ lệ góp cổ đông Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn không thay đổi trong năm 2015 và 2016 là 32,2%. Công ty đã điều chỉnh sai sót này trong Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016.

5. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung đã không trình bày khoản mục "**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**" vì hiện nay SMB chỉ có một Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn với tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại đây là 100% vốn điều lệ. Do đó khoản mục "**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**" sẽ không có số liệu. Căn cứ vào Điều 100 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày trên Báo cáo tài chính năm (bao gồm cả Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) vì thế chúng tôi xác nhận việc trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2017 của SMB là phù hợp với quy định chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trên đây là các ý kiến của chúng tôi về các vấn đề liên quan đến các thông tin tài chính trong Báo cáo tài chính năm 2015, 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán xác nhận.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT-CT

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
Phó Tổng Giám đốc



VŨ BÌNH MINH
Người đại diện theo Pháp luật



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2018



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH NHIỆM KỲ II (2013-2018)
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ quy định của pháp luật và điều lệ Công ty Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung, Hội đồng quản trị báo cáo kết quả hoạt động của Công ty và của HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 với các nội dung sau:

A. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NHIỆM KỲ 2013-2018.

1. Tình hình hoạt động của công ty trong năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018:

Năm 2017, Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Trung đã đạt được kết quả tương đối tốt, đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận so với năm trước. Tổng sản lượng sản xuất tiêu thụ có tăng trưởng và cùng với việc đầu tư kịp thời cũng như gia tăng hoạt động SXKD các sản phẩm khác và các giải pháp tiết giảm chi phí đã góp phần hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đạt mức cao, đạt hơn 160 tỷ/kế hoạch 126,6 tỷ bằng 126,4% kế hoạch, là năm đạt lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay.

Tình hình giá cả các nguyên vật liệu sản xuất đặc biệt là nguyên liệu cho ngành đồ uống tương đối ổn định, tỷ giá ngoại tệ thấp hơn mức dự báo tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho các doanh nghiệp SXKD đồ uống. Tuy nhiên, trước tình hình sức mua suy giảm, cạnh tranh gay gắt cũng đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD các doanh nghiệp.

Tổng quan kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của Công ty trong 5 năm như sau :

CHỈ TIÊU	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017
Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	138,55	145,17	148,30	166,77	185,91
-Bia Sài Gòn	-nt-	105,60	111,56	107,70	110,50	120,46
+Bia chai SG450, 355ml, Lager 355ml	-nt-	105,60	111,56	107,70	110,50	85,04
+ Bia lon SG lager 330ml	-nt-	-	-	-	-	35,42
-Sản phẩm khác(1)	-nt-	32,95	33,61	40,60	56,27	65,45
Tổng doanh thu	Tỷ đ	1.240,33	1.246,87	1.229,90	852,40(2)	1.215,90
Nộp ngân sách	-nt-	549,16	559,78	547,60	763,50	952,35
Tổng lợi nhuận	-nt-	52,82	84,54	103,00	130,50	160,00
Cổ tức	%	10,00	15,00	18,00	25,00	30,00
Tỉ suất LN/Vốn Đ.Lệ	%	11	17	19	23	27

Tỉ suất LN/doanh thu	%	0,034	0,052	0,064	0,153	0,137
Tổng nguồn vốn	Tỷ đ	847,57	752,81	705,60	646,64	758,51
Trong đó : Nợ vay	-nt-	342,54	227,42	136,02	136,02	51,44

(1) Sản phẩm khác: Bia tự doanh, Nước uống đóng chai, rượu, sữa và nước ngọt.

(2) Tổng doanh thu bao gồm cả doanh thu Hoạt động tài chính và Thu nhập khác nhưng loại trừ thuế TTĐB, doanh thu nội bộ theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

Nhìn chung 5 năm qua Công ty đều có sự tăng trưởng đáng kể về doanh thu, lợi nhuận. Xét về giá trị tăng thêm so với các đơn vị cùng ngành thì Công ty là một trong số những đơn vị có giá trị gia tăng cao.

Kết quả hoạt động đạt được trong các năm qua theo đánh giá của Hội đồng quản trị là phù hợp với định hướng của Công ty.

2. Hoạt động của hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2013-2018):

Trong nhiệm kỳ II vừa qua có sự thay đổi về nhân sự, ngày 28/3/2017 ông Nguyễn Thành Nam, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn là thành viên HĐQT có đơn xin thôi thành viên HĐQT vì lý do công việc. Ngày 08/4/2017 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kết quả bầu cử bổ sung bà Nguyễn Thị Thùy Linh Phó Ban Kế hoạch-Tổng hợp Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn làm thành viên HĐQT của Công ty, nhiệm kỳ 2013-2018. Điểm thuận lợi của HĐQT trong nhiệm kỳ vừa qua là luôn có 3 thành viên là người quản lý của Tổng Công ty và Công ty, các thành viên còn lại đều kinh qua các công việc điều hành, quản lý doanh nghiệp nên rất am hiểu và thuận lợi khi trao đổi, thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã tổ chức 05 Đại hội cổ đông thường niên. Năm 2017 đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường bằng văn bản lấy ý kiến để đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh. Duy trì các phiên họp HĐQT trực tiếp để xem xét, thông qua các báo cáo, đánh giá kết quả SXKD và đưa ra các định hướng hoạt động của Công ty. HĐQT đã có những Nghị quyết chủ trương, quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở tính thống nhất cao của các thành viên HĐQT.

Từ tháng 05/2013 đến nay HĐQT đã triệu tập 22 cuộc họp trực tiếp và 35 cuộc họp thông qua lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 58 Nghị quyết và 155 Quyết định để chỉ đạo hoạt động của Công ty liên quan đến việc thành lập Công ty con, bổ nhiệm các chức danh điều hành, quản lý; cấu trúc bộ máy Công ty, ban hành sửa đổi các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty, sửa đổi quy chế quản lý tài chính; Quy định về việc phê duyệt định mức kinh tế-kỹ thuật và các định mức chi tiêu tài chính, việc phân phối tiền lương, tiền thưởng; Phương án phát triển các sản phẩm mới; Thông qua và phê duyệt các dự án, phương án đầu tư kịp thời, cũng như quyết toán vốn đầu tư.

Về đầu tư XDCB, thực hiện chiến lược đẩy mạnh phát triển sản xuất theo định hướng của SABECO, trong nhiệm kỳ qua Hội đồng quản trị đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện 12 phương án/dự án công trình. Các dự án chủ yếu đáp ứng mục đích đầu tư chiều sâu phục vụ hoạt động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Các phương án/dự án được thực hiện đúng tiến độ, đưa vào hoạt động phục vụ SXKD phát huy hiệu quả, cụ thể:

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Kho chứa bia và bãi vỏ két của Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên	8.140.844.573	Tháng 05/2014
2	Đầu tư xây dựng và lắp đặt lò hơi dự phòng 10 tấn/giờ tại Nhà máy Bia Sài Gòn-DakLak	7.679.563.358	Tháng 10/2014
3	Cải tạo hệ thống lạnh và tiết kiệm năng lượng trong nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn	14.497.978.939	Tháng 08/2015
4	Xây dựng Nhà kho cho thuê tại Nhà máy Bia Sài Gòn-DakLak	5.031.748.700	Tháng 04/2016
5	Thuê thêm 2 ha đất tại Nhà máy bia Sài Gòn-Quy Nhơn	-	Tháng 01/2017
6	Đầu tư hệ thống máy lạnh công suất 400 KW tại Nhà máy bia Sài Gòn-Phú Yên	3.995.175.000	Tháng 04/2017
7	Đầu tư Kho khu B tại Nhà máy bia Sài Gòn-Quy Nhơn	2.825.000.000	Tháng 04/2017
8	Đầu tư Hệ thống nhà Nấu sản xuất Bia tự doanh tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên	7.450.000.000	Tháng 06/2017
9	Đầu tư dây chuyền chiết lon, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm thuộc dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn-DakLak lên 70 triệu lít/năm	103.190.000.000	Tháng 06/2017
10	Đầu tư Tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Daklak, thuộc Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn- Daklak lên 70 triệu lít/năm	18.480.000.000	Tháng 05/2017
11	Nhận chuyển nhượng quyền được thuê diện tích 8.605,3 m ² đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Giày An Phú tại Quy Nhơn.	13.500.000.000	Tháng 08/2017
12	Đầu tư Tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Daklak, đáp ứng yêu cầu sản xuất	15.660.000.000	Tháng 11/2017

Việc giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty.

Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT thực hiện theo đúng phân cấp phân quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết có báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét cho chủ trương để thực hiện.

Ngoài ra Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty ban hành các quy chế hoạt động có liên quan, tạo điều kiện phát huy sức mạnh tập thể, giáo dục tăng cường ý thức trách nhiệm, động viên các đoàn thể thể hiện sự đoàn kết, đồng tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chung.

Công ty chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Ngân sách Nhà nước, nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách, quyền lợi của người lao động theo đúng quy định của pháp luật và Thỏa ước Lao động tập thể.

Điểm nổi bật trong nhiệm kỳ vừa qua là: Tài sản cố định tăng, tổng sản lượng tăng, lợi nhuận tăng, đồng nghĩa với việc nộp ngân sách tăng, chi cổ tức cho cổ đông tăng.

Công ty đã trả hết nợ ngân hàng của 02 dự án lớn tại DakLak và Quy Nhơn. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ CNV của Công ty ngày càng nắm vững chuyên môn nghiệp vụ, đời sống thu nhập của cán bộ CNV tăng và ổn định.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018:

Mặc dù nền kinh tế thế giới và Việt Nam đang chuyển động theo chiều hướng tích cực, nhưng chưa thực sự bền vững. Những năm tiếp theo được dự báo là còn nhiều khó khăn và biến động khó lường. Ngày càng có nhiều thương hiệu bia mạnh của thế giới đầu tư vào Việt Nam, tình hình cạnh tranh gay gắt hơn. Kết quả SXKD của Công ty vẫn chủ yếu phụ thuộc vào SABECO. Máy móc thiết bị tại Nhà máy Bia Quy Nhơn và Phú Yên sau nhiều năm vận hành đã bắt đầu xuống cấp, năng suất giảm, chi phí bảo trì bảo dưỡng tăng cao ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. HĐQT đề ra những mục tiêu sau:

- Tập trung SXKD các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng luôn được duy trì, đảm bảo.

- Cùng cố và phát triển các sản phẩm tự doanh để tăng hiệu quả đầu tư, giải quyết công ăn việc làm trong điều kiện cho phép, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

- Cùng với các mục tiêu SXKD mới, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III tiếp tục chỉ đạo Công ty theo định hướng chiến lược, cải tiến, hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành, khắc phục những điểm còn tồn tại, phát huy những điểm mạnh trong nhiệm kỳ qua, tăng cường công tác quản trị rủi ro, giám sát, dự báo ngăn ngừa và xử lý kịp thời những khó khăn phát sinh nhằm duy trì và phát triển SXKD theo hướng bền vững.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	KH 2018/TH 2017 (%)
1.	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	Tr.L	185,90	198,60	106,8
1.1.	Bia Sài Gòn	Tr.L	120,5	141,8	117,7
a.	<i>Bia chai SG450, 355ml, Lager 355ml, SG Silver</i>	<i>Tr.L</i>	<i>85,10</i>	<i>104,30</i>	<i>122,5</i>
b.	<i>Bia lon SG Lager 330ml</i>	<i>Tr.L</i>	<i>35,42</i>	<i>37,50</i>	<i>105,8</i>
1.2.	Sản phẩm khác	Tr.L	65,5	56,8	86,7
2.	Tổng doanh thu	Tỷ.Đ	1.215,9	1.343,1	110,5
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.Đ	160,0	115,0	71,9

2. Giải pháp thực hiện:

Trước những khó khăn, thách thức và biến động khó lường trong thời gian đến, Công ty cần khắc phục những tồn tại nhằm tăng năng lực sản xuất, tiết kiệm chi phí, bố trí hợp lý nguồn lực hiện có để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động ổn định và phát triển.

Quan tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp thích hợp theo từng thời kỳ, bổ sung nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo đảm bảo bộ máy luôn năng động, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro; Áp dụng các biện pháp tài chính hợp lý, chắc chắn và linh hoạt để đem lại hiệu quả cao trong sử dụng cơ sở vật chất và nguồn vốn của Công ty.

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 21 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2013-2018)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung;

- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 19/2018/BCKT-AVI-TCI về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt phát hành ngày 09/02/2018;

- Căn cứ Báo cáo về công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung nhiệm kỳ II (2013-2018).

Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2013-2018) và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 qua một số chỉ tiêu SXKD chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ II (2013-2018):

1. Nhân sự Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên

- Ông Trịnh Văn Thảo-Trưởng ban (đến ngày 23/4/2016, nay là thành viên)
- Ông Nguyễn Văn Chánh-Thành viên (đến ngày 23/4/2016)
- Ông Nguyễn Văn Dũng-Trưởng ban, chuyên trách (được Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 23/4/2016 thay thế Ông Nguyễn Văn Chánh)
- Ông Nguyễn Nhật Thăng-Thành viên (đến ngày 08/4/2017)
- Ông Bùi Quang Đáng-Thành viên (được Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 08/4/2017 thay thế Ông Nguyễn Nhật Thăng)

Các thành viên Ban kiểm soát có đầy đủ trình độ, năng lực, trách nhiệm và phẩm chất đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn làm thành viên ban kiểm soát được quy định tại điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung; Căn cứ Quy chế làm việc, Ban kiểm soát đánh giá kết quả thực hiện như sau:

2. Về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động của Công ty:

- Trong suốt nhiệm kỳ vừa qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể là theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung. Ban kiểm soát đã thực hiện với tinh thần trách nhiệm: phân công nhiệm vụ cụ thể

cho từng thành viên trong ban; cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT; xây dựng kế hoạch thực hiện; thẩm tra Báo cáo tài chính các năm 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017.

- Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung đã lập và công bố Báo cáo tài chính (giữa niên độ và niên độ) phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính đều được kiểm toán độc lập có uy tín kiểm toán. Theo ý kiến của kiểm toán độc lập thì Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT và Ban điều hành trong hoạt động kinh doanh, giám sát các hoạt động để đảm bảo công ty hoạt động đúng định hướng và đúng pháp luật. Thường xuyên trao đổi HĐQT và Ban điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác điều hành, công tác quản lý tài chính, đầu tư, chế độ thông tin báo cáo, ... đảm bảo HĐQT và Ban điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Trong quá trình hoạt động của mình, Ban kiểm soát đã có một số kiến nghị HĐQT và Ban điều hành xem xét, điều chỉnh phù hợp. Ban kiểm soát chưa phát hiện hành vi vi phạm và quản trị điều hành trái luật và điều lệ công ty.

- Ban kiểm soát đã tổ chức 14 lần kiểm tra xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đối với mỗi lần kiểm tra, Ban kiểm soát đều có những nhận xét và kiến nghị với HĐQT và ban điều hành.

- Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ văn bản tố cáo hoặc khiếu nại nào của cổ đông hoặc người lao động.

3. Về giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Trong nhiệm kỳ II (2013-2018), Hội đồng quản trị Công ty có sự thay đổi về nhân sự, cụ thể: Ngày 28/3/2017 Ông Nguyễn Thành Nam có đơn xin thôi thành viên HĐQT với lý do công việc. Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 08/4/2017 đã bầu Bà Nguyễn Thị Thùy Linh thay thế;

- Trong nhiệm kỳ II (2013-2018), Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 Đại hội đồng cổ đông thường niên và 01 Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản lấy ý cổ đông về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại sàn giao dịch thuộc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong nhiệm kỳ II (2013-2018), Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp trực tiếp theo quy định tại điều lệ Công ty để xem xét, thảo luận, thông qua các báo cáo của Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động SXKD và định hướng hoạt động SXKD trong thời gian đến. Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 22 phiên họp trực tiếp và 35 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, qua đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 58 Nghị quyết và 155 Quyết định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty phù hợp với điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp năm 2014;

- Một số chỉ tiêu kinh tế giai đoạn 2013-2018, cụ thể như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	298,47	298,47	298,47	298,47	298,47	
2	Tổng tài sản	847,58	752,82	705,60	646,65	758,52	
3	Doanh thu thuần	745,48	761,24	757,15	820,41	1.090,09	
4	Lợi nhuận trước thuế	52,82	84,55	103,03	130,54	160,01	
5	Thu nhập BQ NLĐ (trđ/tháng)	6,5	6,9	7,9	8,00	10,5	
6	Tỷ lệ cổ tức (%/CP)	10%	13%	18%	25%	30% (*)	

(*) Tỷ lệ cổ tức dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Nhìn chung trong nhiệm kỳ 2013-2018 thì HĐQT, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình trong việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. Các chỉ tiêu về tài sản, doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều tăng trưởng mạnh qua các năm. Từ đó góp phần tăng thu nhập cho người lao động và trả cổ tức cho cổ đông.

II. THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 CỦA CÔNG TY:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung được lập dựa trên Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung và Công ty TNHH MTV Bia Quy Nhơn. Công ty TNHH MTV Bia Quy Nhơn là công ty con với 100% vốn của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung và được thành lập ngày 20/09/2017, vốn điều lệ là 23.036.081.821 đồng.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung được lập vào ngày 09/02/2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2017; Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính hợp nhất 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán (*Báo cáo kiểm toán độc lập số:19/2018/BCKT-AVI-TCI ngày 09/02/2018 đính kèm*).

Báo cáo tài chính năm 2017 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập trình bày báo cáo tài chính, đồng thời phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Theo Nghị quyết số: 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 08/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty thì các chỉ tiêu do Đại hội giao đều vượt kế hoạch, chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)	
						So với KH năm 2017	So với TH năm 2016
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
I	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD						
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	tỷ đồng	1.019,09	1.123,98	821,54	110%	137%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	"	0,00	1,85	1,13		163%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	1.019,09	1.122,13	820,41	110%	137%
4	Giá vốn hàng bán	"	812,32	886,39	615,02	109%	144%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	206,78	235,74	205,38	114%	115%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	"	0,20	7,54	0,39	3733%	1938%
7	Chi phí tài chính	"	5,24	3,95	5,62	75%	70%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	"	5,24	3,95	5,62	75%	70%
8	Chi phí bán hàng	"	38,12	38,63	35,01	101%	110%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	62,81	65,26	59,51	104%	110%
10	Lợi nhuận thuần từ HĐ KD	"	100,80	135,44	105,63	134%	128%
11	Thu nhập khác	"	30,51	34,93	31,58	114%	111%
12	Chi phí khác	"	6,32	10,36	6,67	164%	155%
13	Lợi nhuận khác	"	24,20	24,57	24,92	102%	99%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	"	125,00	160,01	130,54	128%	123%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	"	25,20	32,42	26,43	129%	123%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	"		0,33	0,43		76%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	"	99,80	127,26	103,68	128%	123%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ		4.264	2.771		154%
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	đ		4.264	2.771		154%
II	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC						
1	Sản lượng sản xuất (triệu lít)	tr lít	181,70	185,55	166,3	102%	112%
2	Sản lượng tiêu thụ (triệu lít)	tr lít	181,70	185,92	166,5	102%	112%
3	Khấu hao TSCĐ (tỷ đồng)	tỷ đồng	97,00	95,97	91,07	99%	105%
4	Chia cổ tức (tỷ lệ %/CP)	%/CP	25%	30% (*)	25%	120%	120%
	(*) : Cổ tức dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua						

Doanh thu và lợi nhuận:

- Tổng doanh thu và thu nhập các loại đạt 1.164,60 tỷ đồng bằng 111% so với kế hoạch năm 2017 và tăng so với cùng kỳ năm 2016 là 137% tương ứng là 312,22 tỷ đồng. Nguyên nhân chính chủ yếu do sự tăng trưởng của sản lượng tiêu thụ Bia lon SG lager 330ml mới đi vào sản xuất T06/2017 và bia tự doanh, ngoài ra việc điều chỉnh giá bán sản phẩm và cơ cấu sản phẩm cũng góp phần làm doanh thu tăng.

- Lợi nhuận trước thuế: Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế: đạt 160,01 tỷ đồng bằng 128% kế hoạch 2017, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong đó:

+ Nhà máy Đắc Lắc: Lãi trước thuế 71,13 tỷ đồng đạt 143% so với kế hoạch năm 2017, và tăng so với năm 2016 là 17,63 tỷ đồng;

+ Chi nhánh Quy Nhơn: Lãi trước thuế 56,48 tỷ đồng đạt 109% so với kế hoạch năm 2017, và tăng so với năm 2016 là 1,22 tỷ đồng;

+ Chi nhánh Phú Yên: Lãi trước thuế 31,29 tỷ đồng đạt 130% kế hoạch năm 2017, và tăng so với năm 2016 là 9,50 tỷ đồng;

+ Công ty TNHH MTV Bia Quy Nhơn đi vào hoạt động từ Quý III năm 2017 đã mang về lợi nhuận cho Công ty là 1,1 tỷ đồng

a. Về sản lượng tiêu thụ năm 2017:

- Chi tiêu Sản lượng tiêu thụ sản phẩm các loại trong năm đạt 185,92 triệu lít (trong đó bia các loại đạt 174,94 triệu lít, nước giải khát các loại là 10,97 triệu lít) đạt 102 % so với kế hoạch 181,7 triệu lít, trong đó:

+ Đắc Lắc : 87,06 triệu lít đạt 101 % Kế hoạch.

+ Quy Nhơn : 58,22 triệu lít đạt 104 % Kế hoạch.

+ Phú Yên : 40,62 triệu lít đạt 103 % Kế hoạch.

- Về cơ cấu sản phẩm: Bia Sài Gòn thực hiện 120,47 triệu lít, đạt 100 % kế hoạch 121 triệu lít.

* **Nhận xét:** Trong năm 2017 hoạt động SXKD của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, trong đó đã hoàn thành tốt kế hoạch lợi nhuận năm 2017; Sản lượng tiêu thụ tăng cao hơn so với kế hoạch đề ra chủ yếu là do Công ty đã đưa dây chuyền bia lon vào hoạt động trong quý II/2017, ngoài ra Công ty đã tập trung quản lý tốt các chi phí, định mức nguyên nhiên vật liệu nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Công ty sử dụng dòng tiền hợp lý nhằm làm giảm chi phí tài chính đáng kể, góp phần làm lợi nhuận tăng so với kế hoạch đề ra.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu về công nợ vay, tài sản và nguồn vốn Công ty:

• **Tình hình công nợ vay:**

+ Tình hình thực hiện vay vốn lưu động năm 2017:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ (31/12/2017)	(+) Vay	(-) Trả	Số dư đầu kỳ (01/01/2017)
1	Đắc Lắc	29.530.000.000	514.064.942.731	519.274.084.731	34.739.142.000
2	Quy Nhơn	0	218.510.270.731	235.212.388.413	16.702.117.682
3	Phú Yên				
	Cộng=	29.530.000.000	732.575.213.462	754.486.473.144	51.441.259.682

+ Tình hình thực hiện vay vốn đầu tư năm 2017:

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ (31/12/2017)	(+) Vay	(-) Trả	Số dư đầu kỳ (01/01/2017)
1	Đắc Lắc	49.223.181.711	49.223.181.711		
2	Quy Nhơn				
3	Phú Yên				
	Cộng=	49.223.181.711	49.223.181.711	0	0

- Tình hình tài sản và nguồn vốn: Kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được soát xét, phản ánh qua các chỉ tiêu tài chính tổng hợp về tài sản và nguồn vốn như sau:

STT	CHỈ TIÊU	DVT	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2017)	SỐ ĐẦU KỲ (01/01/2017)
1.	Tổng tài sản	Đồng	758.517.049.979	646.647.520.679
1.1	Tài sản ngắn hạn	”	205.721.005.407	189.044.754.567
	Trong đó: - Tiền và tương đương tiền	”	6.079.085.699	2.654.806.247
	- Phải thu ngắn hạn	”	52.701.076.867	67.908.411.476
	- Tồn kho	”	142.989.740.694	111.976.778.629
	- Tài sản ngắn hạn khác	”	3.951.102.147	6.504.758.215
1.2	Tài sản dài hạn	”	552.796.044.572	457.602.766.112
	Trong đó: - Tài sản cố định	”	478.343.003.170	393.035.398.701
	- Bất động sản đầu tư	”	7.970.897.618	8.299.337.114
	- Đầu tư tài chính dài hạn	”	975.860.000	975.860.000
	- Tài sản dở dang dài hạn	”	334.268.210	1.266.027.534
	- Tài sản dài hạn khác	”	65.172.015.574	54.026.142.763
2.	Tổng nguồn vốn	Đồng	758.517.049.979	646.647.520.679
2.1	Nợ phải trả	”	281.289.456.736	201.085.901.334
	Trong đó: - Nợ ngắn hạn	”	212.173.775.674	180.602.754.951
	- Nợ dài hạn	”	69.115.681.062	20.483.146.383
2.1	Vốn chủ sở hữu	”	477.227.593.243	445.561.619.345
	Trong đó: - Vốn điều lệ	”	298.466.480.000	298.466.480.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	”	51.094.708.896	40.726.992.884
	- Vốn khác thuộc vốn CSH	”	12.234.693	12.234.693
	- Lợi nhuận chưa PP	”	127.654.169.654	106.355.911.768
3.	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,12%	29,23%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,88%	70,77%
4.	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	37,08%	31,10%
	- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	62,92%	68,90%
5.	Hệ số thanh toán	Lần		
	- Hệ số thanh toán tổng quát (Tổng TS/Nợ phải trả)	”	2,70	3,22
	- Hệ số thanh toán hiện thời (TSNH/Nợ ngắn hạn)	”	0,97	1,05
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ ngắn hạn)	”	0,30	0,43
	- Hệ số thanh toán tức thời (tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	”	0,03	0,01

- Tình hình tài chính của Công ty luôn được duy trì ổn định, các khoản nợ kéo dài đã được xử lý hoặc trích lập dự phòng đầy đủ đồng thời cân đối tài chính cơ bản đảm bảo.

3. Về thực hiện chi phí thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017:

3.1 . Kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là:

- Thù lao Hội đồng quản trị: 456.000.000 đồng.
- Thù lao Ban kiểm soát: 204.000.000 đồng.

3.2 . Kết quả thực hiện như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị: 456.000.000 đồng.
- Thù lao Ban kiểm soát: 204.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện đúng theo mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động trong nhiệm kỳ II (2013-2018). Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Qua quá trình hoạt động, Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ, phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Xin chân thành cảm ơn, kính chúc quý Cổ đông, quý vị Đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2018



TỜ TRÌNH

Về việc: Phân phối lợi nhuận 2017 và kế hoạch năm 2018

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHCD Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Trung họp ngày 08/04/2017 về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 14/01/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2017:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch ĐHCĐ	Thực hiện	Ghi Chú
1	Lợi nhuận trước thuế	125,000,000,000	160,007,482,869	
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		32,748,512,536	
	- Thuế TNDN hiện hành	25,200,000,000	32,421,483,130	
	- Thuế TNDN hoãn lại		327,029,406	
3	Lợi nhuận sau thuế	99,800,000,000	127,258,970,333	
4	Quỹ Đầu tư phát triển (14%)	9,980,000,000	6,362,948,517	Đề nghị giảm 9%, còn 5%
5	Quỹ khen thưởng, Phúc lợi (16%)	14,970,000,000	17,816,255,847	Đề nghị giảm 2%, còn 14% (*)
	+ Quỹ khen thưởng (75%)	11,227,500,000	13,998,486,737	
	+ Quỹ Phúc lợi (25%)	3,742,500,000	3,817,769,110	
6	Thưởng 30% Lợi nhuận vượt kế hoạch sau thuế theo Nghị quyết Đại hội cổ đông		6,864,742,583	Đề nghị giảm 5%, còn 25%
7	Quỹ chia cổ tức	75,245,199,321	96,610,222,707	
	+ Từ Lợi nhuận năm 2015 chưa phân phối	395,199,321	395,199,321	
	+ Từ Lợi nhuận năm 2016	74,850,000,000	96,215,023,386	
8	Chia cổ tức	74,616,620,000	89,539,944,000	
9	Tỷ lệ cổ tức	25.00%	30.00%	
10	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	628,579,321	7,070,278,707	

- Để đạt tỷ lệ chia cổ tức 30%, Công ty kính đề nghị ĐHD cổ đông phê duyệt:
- Giảm tỷ lệ trích quỹ Đầu tư Phát triển xuống còn 5% (giảm 9% so KH được ĐHCD phê duyệt);
 - Giảm tỷ lệ trích quỹ Khen thưởng - Phúc lợi xuống còn 14% (Giảm 2% so KH được ĐHCD phê duyệt);
 - Giảm tỷ lệ trích quỹ Thưởng Lợi nhuận vượt kế hoạch sau thuế xuống còn 25% (giảm 5% so KH được ĐHCD phê duyệt);

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018
1	Lợi nhuận trước thuế	115,020,000,000
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế TNDN hiện hành	23,304,000,000
	- Thuế TNDN hoãn lại	
3	Lợi nhuận sau thuế	91,716,000,000
4	Quỹ Đầu tư phát triển (5%)	4,585,800,000
5	Quỹ khen thưởng, Phúc lợi (15%)	13,757,400,000
	+ Quỹ khen thưởng (75% tổng hai quỹ)	10,318,050,000
	+ Quỹ Phúc lợi (25% tổng hai quỹ)	3,439,350,000
6	Thưởng 25% Lợi nhuận vượt kế hoạch sau thuế	
7	Quỹ chia cổ tức	80,443,078,707
	+ Từ Lợi nhuận các năm trước chuyển qua	7,070,278,707
	+ Từ Lợi nhuận năm 2018	73,372,800,000
8	Chia cổ tức	74,616,620,000
9	Tỷ lệ cổ tức	25.00%
10	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	5,826,458,707

Kế hoạch phân phối lợi nhuận đã nêu ở trên còn phụ thuộc vào việc giao kế hoạch sản lượng cũng như việc nhận hàng của Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn.

Trường hợp hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận thì được trích thưởng 25% trên giá trị lợi nhuận vượt kế hoạch sau thuế và tối đa không quá 03 tháng lương thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện.

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cty CP Bia SG-MT;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Hạnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2018



BÁO CÁO
Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung;
 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017;
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017	660.000.000	660.000.000	
1	- Hội đồng quản trị	456.000.000	456.000.000	
2	- Ban kiểm soát	204.000.000	204.000.000	

Kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cty CP Bia SG-MT;
- Lưu VP HDQT.

Bùi Ngọc Hạnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2018



TỜ TRÌNH

Kế hoạch chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2018

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung;
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 14/01/2018,

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung hiện nay là Công ty đại chúng có quy mô lớn, là đơn vị sản xuất nhiều mặt hàng phục vụ dân sinh tạo ra được khối lượng công việc ngày càng nhiều cho công nhân lao động với thu nhập tốt, ổn định đóng góp đáng kể cho kinh tế xã hội, cho lợi ích của cổ đông.

Thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 10 năm qua vẫn áp dụng theo mức Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 đã phê duyệt. Nếu tiếp tục chi trả như vậy sẽ không còn phù hợp, tương xứng với trách nhiệm và công sức quản lý đơn vị quy mô đã lớn với mức độ phức tạp ngày càng cao.

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị đã thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 bằng 1,5 lần mức thù lao đã được phê duyệt từ năm 2008 như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018
 - Hội đồng quản trị: 684.000.000đ
 - Ban kiểm soát : 360.000.000đ (bao gồm Trưởng ban chuyên trách)
2. Thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2018.
3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho từng thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để Công ty làm cơ sở thực hiện.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cty CP Bia SG-MT;
- Lưu VP HĐQT.

Bùi Ngọc Hạnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018

* **Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Sau khi xem xét năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách 3 Công ty Kiểm toán sau đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

- Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà 167, Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: (84.24) 62782904 ; Fax: (84.24) 62782905

2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

- Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: (84.24) 62883536 ; Fax: (84.24) 62885678

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

- Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Công ty 319, 63 Lê Văn Lương, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: (84.24) 35770781 ; Fax: (84.24) 35770787

Cả 3 Công ty Kiểm toán trên đây đều có đủ năng lực và điều kiện phù hợp theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2007 của Bộ Tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 tổ chức kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung.

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cty CP Bia SG-MT;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Quy chế quản trị Công ty

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.



Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2017;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ban hành ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị Quyết của HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 06/4/2018,

Để đảm bảo tính pháp lý cũng như đáp ứng các quy định mới được ban hành về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/6/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ban hành ngày 22/9/2017), Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ban hành Quy chế quản trị Công ty (*Dự thảo Quy chế quản trị Công ty được đính kèm tài liệu họp ĐHDCĐ*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cty CP Bia SG-MT
- Lưu VP. HĐQT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Hạnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG**

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn–Miền Trung.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	5
QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.....	5
CHƯƠNG II.....	5
QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	5
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:.....	9
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội.....	13
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	15
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử.....	15
Điều 13: Cách thức kiểm phiếu.....	16
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	16
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết đại hội cổ đông.....	17
Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	17
Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	17
Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị Công ty.....	18
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	18
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản.....	18
Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	19
CHƯƠNG III.....	21
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT.....	21
Điều 25. Quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT.....	21
Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT.....	22
Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT.....	22
Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.....	22
Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT.....	23
Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT.....	23
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	24

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	24
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	24
Điều 34. Cuộc họp HĐQT	25
Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.....	26
CHƯƠNG IV	29
BAN KIỂM SOÁT.....	29
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	29
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.....	29
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	29
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	30
Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.....	30
Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	30
Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	31
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	31
Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	31
Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát	31
Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát.....	32
CHƯƠNG V	32
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	32
Điều 47. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	32
Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	33
Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	34
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	34
Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	34
CHƯƠNG VI	34
QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT	34
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	34
Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.....	34
Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát	34
Điều 54. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc	35
Điều 55. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.	35
Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	36
Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.....	36
Điều 58. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS.....	36
Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm	

soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.....	37
Điều 60. Người phụ trách quản trị Công ty.....	39
CHƯƠNG VII.....	40
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.	40
Điều 61. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	40
Điều 62. Khen thưởng.....	40
Điều 63. Kỷ luật.....	41
CHƯƠNG VIII	41
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	41
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	41
CHƯƠNG IX.....	41
NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 65. Ngày hiệu lực	41

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
3. Công ty : là Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung
4. HĐQT : là Hội đồng quản trị
5. BKS : là Ban kiểm soát
6. VSD : là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
7. Đại biểu : là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty)

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

2.1. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d

và điểm e khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty;

2.2. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

2.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 4 Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa:

1.1. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

1.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

1.3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

1.4. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

1.5. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

1.6. Đoàn Chủ tọa gồm 02 người; bao gồm 01 Chủ tịch và 01 Thành viên.

1.7. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

1.7.1 Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương

trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

1.7.2. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

1.7.3. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

1.7.4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

1.7.5. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

1.8. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

2.1. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

2.2. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

2.2.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

2.2.2. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

2.2.3. Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

2.2.4. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

2.2.5. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

3.1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

3.2.1. Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

3.2.2. Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

3.2.3. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

3.3.4. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

4.1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

4.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

4.2.1. Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

4.2.2. Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự

thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:

2.1. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:

2.1.1. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.

2.1.2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền: Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

2.1.2.1. Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).

2.1.2.2. Các tài liệu kèm theo như sau:

+ Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

+ Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).

+ Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập*);

+ Văn bản của Ban kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban kiểm soát triệu tập*).

+ Biên bản họp của Ban kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông do Ban kiểm soát triệu tập*).

+ Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật doanh nghiệp*);

+ Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật doanh nghiệp*).

2.1.3. Tài liệu liên quan khác (nếu có).

2.2. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

2.3. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng VSD gửi Công ty danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 1997/QĐ-VSD ngày 29-9-2017) (File dữ liệu danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ Email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

2.4. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

2.5. Trường hợp Công ty ủy quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận, ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

(Căn cứ quy định tại điều 20 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 quy chế này

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 quy chế này.

2.2. Chuẩn bị chương trình nội dung Đại hội;

2.3. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

2.4. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả công đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

3.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

3.3. Phiếu biểu quyết, bầu cử;

3.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

3.5. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;

5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội

đồng cổ đông;

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 18 Điều lệ Công ty, Khoản 1,2,3 Điều 22 Điều lệ Công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty;

1.2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi thông báo, bao gồm:

1.2.1. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

1.2.2. Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/ bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).

1.2.3. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

1.2.4. Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, Fax, thư điện tử;

1.2.5. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật;

1.2.6. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

2.1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một số người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

2.2.2. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có

chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

2.2.3. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

2.2.4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký vào giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2.4. Trừ trường hợp quy định tại Điểm 2.3 Khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của mọi người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

2.4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

2.4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ chỉ định ủy quyền;

2.4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

3.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

3.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký. Họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu của cổ đông đó;

3.3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:

1.1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

1.2. Báo cáo của HĐQT;

1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát;

1.4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

1.5. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

1.6. Số lượng thành viên HĐQT;

1.7. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;

1.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

1.9. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;

1.10. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

1.11. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

1.12. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

1.13. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

1.14. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

1.15. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

1.16. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

1.17. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

1.18. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

2.1. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

2.2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ

đồng)

1. Nguyên tắc chung

1.1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

1.2. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

2.1. Phiếu biểu quyết

2.1.1. *Phiếu biểu quyết hợp lệ* là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là *hợp lệ* khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

2.1.2. *Phiếu biểu quyết không hợp lệ*

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- + Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

2.2 Phiếu bầu cử

2.2.1. *Phiếu bầu cử hợp lệ*: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

2.2.2. *Phiếu bầu cử không hợp lệ*:

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- + Gạch tên các ứng cử viên;
- + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa. viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

- + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- + Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

1.1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

1.2. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

2.1 Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mà đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

2.2 Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức Điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "V" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong lại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- 1.1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- 1.2. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

2.1 Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- 2.1.1. Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số

cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

2.1.2. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu sở hữu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

2.1.3. Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

2.1.4. Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

2.1.4.1. Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;

2.1.4.2. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.

2.1.4.3. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

2.1.5. Nguyên tắc trúng cử:

2.1.5.1. Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

2.1.5.2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

2.1.5.3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

2.2. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13: Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần, từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty)

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết đại hội cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Hoạt động của tiểu ban ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp;

4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;

6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

7. Các kế hoạch trong tương lai

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo phục lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.

2. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
2. Định hướng phát triển công ty
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và ban kiểm soát
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
7. Tổ chức lại, giải thể công ty
8. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh
9. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
10. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 24, 26 Điều lệ công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Quy trình về Phiếu lấy ý kiến.

3.1. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

3.1.2. Mục đích lấy ý kiến

3.1.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch số Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;

3.1.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định

3.1.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề để lấy ý kiến;

3.1.6. Phương án bầu cử (nếu có)

3.1.7. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời

3.1.8. Họ, tên, chữ ký của chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.

3.2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức được ủy quyền.

3.3. Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về công ty theo các hình thức sau:

3.3.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì

dán kín và không ai có quyền mở trước khi kiểm phiếu;

3.3.2. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

4.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết

4.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

4.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên.

4.5. Các vấn đề đã được thông qua;

4.6. Họ, tên, chữ ký của chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

5.1. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

5.2. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

7.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

7.1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.

7.1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc điều lệ công ty

7.2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của toàn án hoặc trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

(Căn cứ quy định tại điều 27 Điều lệ công ty)

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại điều 14 nghị định số 71/2017ND-CP)

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

2.1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và công ty.

2.2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

2.3. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

2.4. Báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và

Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
4. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - 1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - 1.3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này;
3. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 27 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới

50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của công ty;
7. Các lợi ích có liên quan Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng

của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2. Nếu số ứng viên lớn hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1.1 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;

1.2 Có đơn từ chức;

1.3 Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

1.4 Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử; số lượng; tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục ứng cử, đề cử...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

4.1. Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng

viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;

4.2. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

4.3. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Điều 34. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

1.1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

1.2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

3.1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3.2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

3.2.1. Ban kiểm soát;

3.2.2. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

3.2.3. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

3.2.4. Các trường hợp khác (nếu có).

3.3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Điểm b, khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.

3.4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

3.5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153, Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp)

1.1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;

1.2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty;

1.3. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

1.4. Địa điểm họp: Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

1.5. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nội dung hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

1.5.1. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp

1.5.2. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà cổ đông nhất

thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

2.1. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp nhận;

2.2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

2.3. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp nhận.

3. Cách thức biểu quyết:

3.1. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

3.2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3.3. Theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

3.4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

3.5. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký kết với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên;

3.6. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu

biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

4.1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định;

4.2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

5.1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp

5.1.2. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

5.1.3. Thời gian, địa điểm họp;

5.1.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

5.1.5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

5.1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

5.1.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

5.1.8. Các vấn đề đã được thông qua;

5.1.9. Họ, tên chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

5.2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

5.3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

5.4. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung trong biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 1, 3 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là (03) người, Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số, Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

2.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

2.2. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

2.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 2 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1.1 Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

1.2 Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

(Căn cứ quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

1.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

1.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

2.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2.3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử; số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử,...

3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

4.1. Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3, Điều này;

4.2. Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

4.3. Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 36 Điều lệ công ty)

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và Ban kiểm soát tham gia dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG V NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 47. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ Quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51,52,54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

1.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản

lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc

2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

2.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

3.1. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;

3.2. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

3.3. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

3.4. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên;

3.5. Có chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng;

3.6. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ Quy định tại Điều 32 và Khoản 1,2 Điều 33 Điều lệ Công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:

1.1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty.

1.2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

2.1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công

ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức;

2.2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 28 và Điều 33 Điều lệ Công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của Hợp đồng lao động được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 28 và Điều 33 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quyết định tại Điều 35 tại Quy chế này.

Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, Biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên

HĐQT.

Điều 54. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 55. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.

(Căn cứ quy định tại điểm h Khoản 3 Điều 57 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

1.1. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

1.1.1. Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

1.1.2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

1.2. Tổng Giám đốc có thể triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 33 Điều lệ công ty không được thực thi;

Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

2.1. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

2.2. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

2.3. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

2.4. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

2.5. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính

tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

2.6. Xin ý kiến HĐQT đối với bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kế hoạch kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của công ty;

2.7. Kiến nghị phương án trả cổ tức, xử lý lỗ trong kinh doanh;

2.8. Các nội dung khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 33 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện nội quy của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

3. Báo cáo về cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 51 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

Điều 58. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS.

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 38, Điều 40 Điều lệ Công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT

1.1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó được quyết định;

1.2. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty

(sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;

1.3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

1.4. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các Quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

1.5. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

1.6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi ít nhất là bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

2.1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

2.2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2.3. HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 36 Điều lệ Công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

1.1. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

1.2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

1.3. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

1.4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.5. Kiểm soát viên có nghĩa vụ báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con. Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

1.6. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng với tài liệu quan trọng ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

1.7. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc;

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

2.1. Trong các cuộc họp của BKS, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu các thành viên HĐQT, thành viên kiểm soát viên nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.

2.2. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

2.3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả ;

2.4. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ

sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

2.5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2.6. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty, Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

3.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3.2. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung cần được quyết định;

3.3. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bảng dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

3.4. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

3.5. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

3.6. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung nắm quyền kiểm soát với thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

3.7. Các nội dung khác cần xin ý kiến tại Khoản 2 Điều 55 quy chế này, phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.

Điều 60. Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.

Điều 61. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được ...

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá của các kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các qui định nội bộ hoặc có thể dựa vào bảng tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này

Điều 62. Khen thưởng

1. Hoạt động quản trị hoặc tiểu ban lương thưởng có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 65 của quy chế này;

2. Đối tượng: Các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

3. Các hình thức khen thưởng: Bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do hoạt động quản trị hoặc tiểu ban lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Đối với đối tượng điều hành doanh nghiệp khác: Nguồn kinh phí thường được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông

thông qua.

Điều 63. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung sửa đổi Quy định này được Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét và quyết định

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG IX NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 65 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung nhất trí thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: **Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2016,

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung đã họp và thống nhất nội dung Dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua (*Dự thảo Điều lệ được đính kèm tài liệu họp DHDCĐ*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cty CP Bia SG-MT;
- Lưu VP HDQT.

Bùi Ngọc Hạnh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

— 88 —

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 23 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	9
Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	9
Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 18. Các đại diện được ủy quyền.....	14
Điều 19. Thay đổi các quyền	14
Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	23
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY..	26

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 32. Cán bộ quản lý	26
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng GD điều hành	26
Điều 34. Thư ký Công ty	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 36. Ban kiểm soát.....	29
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	30
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	30
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	30
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	32
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	32
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	33
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	33
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	33
Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....	33
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	34
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 44. Năm tài chính	33
Điều 45. Chế độ kế toán	34
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	34
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	34
Điều 47. Báo cáo thường niên	34
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 48. Kiểm toán	35
XVII. CON DẤU	35
Điều 49. Con dấu	35
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	36
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	36
Điều 51. Gia hạn hoạt động.....	36
Điều 52. Thanh lý	36
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	37
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	37
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	37
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	37
Điều 55. Ngày hiệu lực	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty, là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Phú Yên, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Quy Nhơn và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Đaklak. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (ngày 23 tháng 6 năm 2018) của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d. "Cán bộ quản lý" là Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- o Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG
- o Tên tiếng Anh : SAIGON-MIEN TRUNG BEER JOINT STOCK COMPANY
- o Tên viết tắt : SMB

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak.
- Điện thoại : 0500.3877519.
- Fax : 0500.3877455.
- Website : biasaigonmt.com.vn.

4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, cồn và nước giải khát;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát, thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm; Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản, nhà ở, kho bãi và văn phòng cho thuê;
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản, nông lâm thổ sản, xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch;
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng

cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

3. Quan hệ với Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung là công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn.

Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn chi phối hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung thông qua:

Quy định của pháp luật và điều lệ của Tổng Công ty Cổ Phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn về mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con;

Nắm giữ cổ phần chi phối và thương hiệu Bia Sài Gòn;

Định hướng phát triển;

Tiêu thụ sản phẩm.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 298.466.480.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 29.846.648 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần”.

2. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp

(tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần phải trả một khoản phí chuyển nhượng theo quy định của Công ty.

Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc

phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn tương ứng với thời hạn chậm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 của Điều lệ này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần

được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông dù tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 16 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 16 của Điều lệ này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 16 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 17.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 18, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 16.4b hoặc Điều 16.4c Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và tại thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 20 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 20.3 của Điều lệ này.

Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra người chủ trì. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại

hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều 22, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện

theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo

đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch ngân sách kinh doanh đã được phê duyệt hàng năm.

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ

chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại các Khoản 4a và 4b Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty có bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty

1. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Chuẩn bị các cuộc họp của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát;

b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

c. Tham dự các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f. Những nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;

g. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

a. Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b. Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

4. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a. Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b. Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy

định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài

báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và trước khi sử dụng, thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương, 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (ngày 23 tháng 06 năm 2018) của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung tại TP. Hồ Chí Minh nhất trí thông qua, thay thế bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2016 tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương.

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố.

c. Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký ban hành.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: .../2018/BB-ĐHCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2018

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG**

Hôm nay, vào lúc ...g... ngày ... tháng ... năm 2018, tại Victory Hotel, 14 Võ Văn Tần, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.

I. PHẦN NGHI THỨC VÀ THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội

.....

2. Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội

-

Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thì tỷ lệ ... % là đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

- Ông Trần Đình Chính, thay mặt Ban tổ chức giới thiệu danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu để Đại hội thông qua gồm:

*** Đoàn Chủ tịch:**

- | | |
|---------------|------------|
| 1. Ông, | Chủ tọa |
| 2. Ông, | Thành viên |

*** Ban Thư ký:**

- | | |
|---------------|------------|
| 1. Ông, | Trưởng Ban |
| 2. Ông, | Thành viên |

*** Ban kiểm phiếu:**

- | | |
|---------------|------------|
| 1. Ông, | Trưởng Ban |
| 2. Ông, | Phó Ban |
| 3. Ông, | Thành viên |

Đại hội đã biểu quyết nhất trí% thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Ông thay mặt Đoàn Chủ tịch phát biểu khai mạc và thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội. Đại hội đã biểu quyết nhất trí ...% thông qua.

2. Đại diện Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành báo cáo trước Đại hội các nội dung sau:

2.1. Ông, Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018.
- Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
- Báo cáo đề nghị lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018.
- Báo cáo đề nghị thông qua Quy chế quản trị Công ty.
- Báo cáo đề nghị thông qua Điều lệ Công ty.



- 2.2. Ông ..., Trưởng Ban kiểm soát, trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018.
- 2.3. Tổng Giám đốc Công ty:
- Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, Kế hoạch SXKD năm 2018.
- 2.4. UV. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty giới thiệu danh sách Ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III như sau:
- 2.4.1-Ứng cử viên Hội đồng quản trị:
1.
2.....
3.....
- 2.4.2-Ứng cử viên Ban kiểm soát:
1.
2.
3.....
3. Ông, Trưởng Ban kiểm phiếu, thông qua Thẻ lệ biểu quyết và Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III. Đại hội đã biểu quyết nhất trí% thông qua.

III. PHẢN Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Sau khi nghe các báo cáo trên, các cổ đông đã đóng góp một số ý kiến như sau:

+ Ý kiến 1:

+ Ý kiến 2:

Đoàn Chủ tịch thay mặt Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty giải đáp các ý kiến góp ý của cổ đông, đồng thời tiếp thu tất cả các ý kiến của cổ đông để đưa vào chương trình nghị sự họp Hội đồng quản trị và triển khai thực hiện.



IV. PHẢN BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI

1. **Biểu quyết các nội dung:** Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua từng vấn đề với kết quả như sau:

STT	Nội dung	Tổng số cổ phần biểu quyết:					
		Tán thành	Tỷ lệ (%)	Không tán thành	Tỷ lệ (%)	Không có ý kiến	Tỷ lệ (%)
1	Kết quả SXKD năm 2017, kế hoạch SXKD năm 2018.						
2	Báo cáo tài chính Công ty năm 2017 đã được kiểm toán và xác nhận thông tin trong Báo cáo tài chính các năm trước.						
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018.						
4	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018.						

STT	Nội dung	Tổng số cổ phần biểu quyết:					
		Tán thành	Tỷ lệ (%)	Không tán thành	Tỷ lệ (%)	Không có ý kiến	Tỷ lệ (%)
5	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.						
6	Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận 2018.						
7	Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch thù lao 2018						
8	Lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018						
9	Dự thảo Quy chế quản trị Công ty						
10	Dự thảo Điều lệ Công ty						

2. Bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III:

2.1. Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Tổng số CP có mặt tại thời điểm biểu quyết: CP
- Tổng số CP biểu quyết thực tế: CP, đạt tỷ lệ%.

05 Thành viên trúng cử Hội đồng quản trị theo số phiếu bầu như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ



2.2. Kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát:

- Tổng số CP có mặt tại thời điểm biểu quyết:
- Tổng số CP biểu quyết thực tế: CP, đạt tỷ lệ%.

01 Thành viên trúng cử Ban kiểm soát trị theo số phiếu bầu như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ

Căn cứ Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Thẻ lệ biểu quyết và Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Đại hội, các tỷ lệ biểu quyết tán thành trên là phù hợp và đủ điều kiện thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực, được đọc tại Đại hội và các Đại biểu cổ đông tham dự nhất trí biểu quyết tán thành% vào hồig... cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Số: .../2018/NQ-ĐHCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung bắt đầu vào lúc ...g... ngày...tháng ... năm 2018 tại Victory Hotel, 14 Võ Văn Tần, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh với sự có mặt của Cổ đông và Đại diện được ủy quyền, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm%/Tổng số cổ phần của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung, đủ điều kiện để tiến hành Đại hội theo luật định.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung ngày 23/6/2017.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	%Thực hiện so kế hoạch
1	Sản lượng tiêu thụ	Triệu lít			
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng			
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng			

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2017 đã được kiểm toán và xác nhận thông tin trong Báo cáo tài chính các năm trước (theo công văn số 34/CV-AVI ngày 08/5/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt).

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018.

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế TNDN hiện hành	
	- Thuế TNDN hoãn lại	
3	Lợi nhuận sau thuế	

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
4	Quỹ Đầu tư phát triển (...%)	
5	Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (...%)	
	+ Quỹ khen thưởng (...%)	
	+ Quỹ Phúc lợi (...%)	
6	Thưởng ...% Lợi nhuận vượt kế hoạch sau thuế theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	
7	Quỹ chia cổ tức	
	+ Từ Lợi nhuận năm 2016 chưa phân phối	
	+ Từ Lợi nhuận năm 2017	
8	Chia cổ tức	
9	Tỷ lệ cổ tức	
10	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	

Điều 6. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận 2018 với các chỉ tiêu chính sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ KH 2018/ TH 2017 (%)
1	Sản lượng tiêu thụ	Triệu lít			
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng			
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng			

* Về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế TNDN hiện hành	
	- Thuế TNDN hoãn lại	
3	Lợi nhuận sau thuế	
4	Quỹ Đầu tư phát triển (...%)	
5	Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (...%)	
	+ Quỹ khen thưởng (...% tổng hai quỹ)	
	+ Quỹ Phúc lợi (...% tổng hai quỹ)	
6	Thưởng ...% Lợi nhuận vượt kế hoạch sau thuế	
7	Quỹ chia cổ tức	
	+ Từ Lợi nhuận năm trước chưa phân phối	
	+ Từ Lợi nhuận năm 2018	
8	Chia cổ tức	
9	Tỷ lệ cổ tức	
10	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	

Điều 7. Thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 như sau:



7.1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017:

Tổng số đồng, trong đó:

- Thù lao Hội đồng quản trị: đồng.

- Thù lao Ban kiểm soát: đồng.

7.2. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018:

a. Mức thù lao Hội đồng quản trị: Đại hội đồng cổ đông nhất trí mức thù lao của HĐQT năm 2018, tổng số đồng.

b. Mức thù lao Ban kiểm soát: Đại hội đồng cổ đông nhất trí mức thù lao năm 2018 của BKS, tổng số đồng.

Điều 8. Thông qua danh sách Công ty kiểm toán năm tài chính 2018:

Điều 9. Thông qua Quy chế quản trị Công ty:

Điều 10. Thông qua Điều lệ Công ty:

Điều 11. Thông qua kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung nhiệm kỳ III (2018-2023):

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ
1			
2			
3			
4			
5			



2. Thành viên Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ
1			
2			
3			

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được nhất trí thông qua tại Đại hội này theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% và có hiệu lực kể từ ngàytháng ... năm 2018.

***Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS Công ty.
- Cổ đông Công ty.
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**